

QUY CHẾ

Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Giao thông vận tải

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc tổ chức quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải (sau đây viết tắt là nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải (GTVT).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ* (sau đây gọi tắt là *đề xuất nhiệm vụ*) là những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết do cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất với Bộ GTVT xem xét đặt hàng nhằm thực hiện yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực giao thông vận tải.

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đặt hàng* là nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ do Bộ GTVT đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. *Phương thức hợp tác trực tuyến* là phương thức hợp thông qua giải pháp công nghệ hỗ trợ các thành viên hội đồng và các đại biểu tham dự ở những địa điểm, vị trí địa lý khác nhau có thể thực hiện các nhiệm vụ của hội đồng.

4. *Mã số nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ* là ký hiệu riêng để mã hóa, theo dõi, quản lý cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ cấp Bộ theo Mẫu số 01. MSNV ban hành kèm theo Quy chế này.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1

ĐỀ XUẤT VÀ XÁC ĐỊNH DANH MỤC ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN

1. Yêu cầu chung

Đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi là Nghị định số 08/2014/NĐ-CP).

2. Yêu cầu đối với đề tài

Sản phẩm dự kiến của đề tài phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau: i) Có triển vọng tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở Việt Nam; ii) Được hoàn thành ở dạng mẫu (vật liệu; thiết bị; máy móc; dây chuyền công nghệ); iii) Có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; iv) Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm; v) Tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành giao thông vận tải; vi) Nhằm phát triển khoa học và công nghệ gắn kết với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các cơ sở giáo dục đào tạo đại học ngành giao thông vận tải.

3. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ

Dự án khoa học công nghệ gồm Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ và Dự án khoa học công nghệ thuộc các chương trình khoa học cấp Bộ, đáp ứng tất cả các yêu cầu sau:

a) Xuất xứ công nghệ: công nghệ được chuyển giao theo hợp đồng chuyển giao công nghệ; công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra ổn định ở quy mô sản xuất nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

c) Có khả năng huy động được nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

4. Yêu cầu đối với đề án khoa học

Có kết quả nghiên cứu làm cơ sở để xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

5. Yêu cầu đối với Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ

a) Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ một trong định hướng lớn sau: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của ngành giao thông vận tải;

b) Nội dung bao gồm những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực khoa học và công nghệ trong nước;

c) Các kết quả thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình;

d) Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt khung Chương trình của các Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ gồm các nội dung sau: mục tiêu Chương trình; nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình; dự kiến sản phẩm của Chương trình và chỉ tiêu đánh giá Chương trình. Việc tổ chức, triển khai và quản lý các nhiệm vụ KH&CN của Chương trình thực hiện theo các quy định đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ độc lập.

6. Nội dung thể hiện của nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ đặt hàng

a) Nội dung của nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ đặt hàng được thể hiện qua: “tên; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả; phương án tổ chức thực hiện”, phù hợp với quy định tại Khoản 1,2,3 và 4 Điều này;

b) Mục “Yêu cầu đối với kết quả” bao gồm một số chỉ tiêu, thông số chính, dự kiến yêu cầu về số lượng, chất lượng của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ, các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

- Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: các yêu cầu về tính mới, yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu;

- Đối với đề tài nghiên cứu khoa học lĩnh vực kinh tế chính sách ngành giao thông vận tải: các yêu cầu về tính mới, bảo đảm tạo ra luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ;

- Đối với dự án: các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm;
- Đối với đề án khoa học: các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác.

Điều 5. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ để xây dựng đề xuất nhiệm vụ KH&CN

Đề xuất nhiệm vụ KH&CN đáp ứng một trong các căn cứ sau đây:

- a) Yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước;
- b) Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia; chiến lược, kế hoạch phát triển ngành giao thông vận tải;
- c) Các nội dung triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cấp Bộ;
- d) Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ 05 năm và hàng năm;
- đ) Các chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ.

2. Nguyên tắc xây dựng đề xuất nhiệm vụ KH&CN

- a) Việc xây dựng đề xuất nhiệm vụ KH&CN đáp ứng các nguyên tắc sau:
 - Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP;
 - Có dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra;
 - Có dự kiến về thời gian thực hiện phù hợp để bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

b) Trong xây dựng đề xuất nhiệm vụ KH&CN, khuyến khích xác định tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ. Việc xác định tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ sẽ là cơ sở thực hiện ưu tiên theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Khoa học và Công nghệ, khoản 5 Điều 29 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP trong quá trình tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

3. Định kỳ hàng năm, Bộ GTVT gửi thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ GTVT về việc đề xuất nhiệm vụ KH&CN.

4. Tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ KH&CN và gửi về Bộ GTVT đồng thời đăng ký trực tuyến trên Hệ thống thông tin khoa học và công nghệ ngành giao thông vận tải. Mẫu đề xuất nhiệm vụ KH&CN theo Mẫu 02a.PDX, Mẫu 02b.PDX, Mẫu 02c.PDX và Mẫu 02d.THDX kèm theo Quy chế này.

5. Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường tổng hợp đề xuất nhiệm vụ KH&CN và tổ chức Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN đặt hàng theo quy định.

Điều 6. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN đặt hàng

1. Căn cứ danh mục đề xuất nhiệm vụ KH&CN, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường tham mưu trình Bộ trưởng Bộ GTVT thành lập các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN đặt hàng theo chuyên ngành để xem xét, đánh giá một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực (sau đây gọi tắt là Hội đồng xác định).

2. Thành phần Hội đồng xác định:

a) Hội đồng xác định gồm chủ tịch hội đồng, phó Chủ tịch hội đồng (nếu có), các ủy viên phản biện (đối với mỗi đề xuất đặt hàng, phân công 02 thành viên làm ủy viên phản biện), ủy viên thư ký khoa học, các ủy viên khác;

b) Thành viên Hội đồng xác định gồm: các nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ; đại diện cơ quan, tổ chức đề xuất nhiệm vụ KH&CN.

Giúp việc cho Hội đồng xác định có thư ký hành chính để tổng hợp, chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng. Ủy viên thư ký khoa học có thể kiêm thư ký hành chính.

3. Trách nhiệm của Hội đồng xác định:

Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng xác định theo quy định tại Điều 35 Nghị định 08/2014/NĐ-CP và các nội dung sau đây:

a) Nghiên cứu tài liệu, nhận xét, đánh giá đề xuất nhiệm vụ KH&CN theo mẫu quy định ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Tư vấn, xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất nhiệm vụ KH&CN: xác định tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được, phương thức tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp), dự kiến thời gian và kinh phí của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Tài liệu họp của Hội đồng xác định được gửi cho các thành viên hội đồng ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp bao gồm:

a) Đề xuất nhiệm vụ KH&CN;

b) Các biểu mẫu, phụ lục cần thiết phù hợp với đề xuất nhiệm vụ KH&CN nêu tại Điều 5 của Quy chế này.

5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng xác định:

a) Phiên họp của Hội đồng xác định được tổ chức bằng phương thức trực tiếp hoặc trực tuyến;

b) Hội đồng xác định chỉ làm việc khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng, trong đó có chủ tịch hội đồng hoặc phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền (giấy ủy quyền theo Mẫu 07. GUQ), 02 ủy viên phản biện (cho mỗi đề xuất nhiệm vụ KH&CN) và ủy viên thư ký khoa học;

c) Hội đồng xác định làm việc theo nguyên tắc dân chủ, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, độc lập, trung thực, khách quan, khoa học và bảo đảm liêm chính khoa học. Hội đồng xác định thảo luận, thống nhất kết luận đối với các ý kiến khác nhau của thành viên (nếu có). Ý kiến kết luận của Hội đồng xác định được thông qua khi trên 3/4 số thành viên tham gia nhất trí;

d) Thành viên của Hội đồng xác định có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng xác định, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng xác định; bảo mật thông tin theo quy định;

đ) Ủy viên thư ký khoa học ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản họp theo ý kiến kết luận tại phiên họp của Hội đồng xác định.

6. Nội dung làm việc của Hội đồng xác định

a) Thành viên hội đồng nhận xét và đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào Phiếu nhận xét và đánh giá theo mẫu (Mẫu 03a. PNXDH, Mẫu 03b. PNXDH). Trường hợp phương thức họp trực tuyến, các thành viên biểu quyết và gửi phiếu cho ủy viên thư ký khoa học trong vòng 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp;

b) Ủy viên thư ký khoa học tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên hội đồng theo Mẫu 04a. BBKP tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của Hội đồng xác định. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN được đề nghị “thực hiện” khi có trên 3/4 tổng số phiếu đánh giá “thực hiện” (bao gồm “*Đề nghị thực hiện*” và “*Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh*”).

c) Đối với các đề xuất nhiệm vụ KH&CN được đề nghị “thực hiện”, Hội đồng thảo luận việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện tên gọi, mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả của nhiệm vụ KH&CN và các đề nghị điều chỉnh, thống nhất thông qua từng mục nêu trên; Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với đề tài, dự án, đề án khoa học.

d) Đối với đề xuất nhiệm vụ KH&CN được đề nghị “Không thực hiện”, Hội đồng tư vấn thống nhất ý kiến về lý do không đề nghị thực hiện.

đ) Hội đồng tư vấn thảo luận, thống nhất, kết luận đối với các ý kiến khác nhau của ủy viên (nếu có).

e) Kết quả đánh giá, tư vấn xác định nhiệm vụ được ghi vào biên bản họp Hội đồng xác định theo mẫu (Mẫu 04b. BBHĐXD).

Điều 7. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN đặt hàng

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của Hội đồng xác định, Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường rà soát trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng xác định, xem xét các ý kiến tư vấn của Hội đồng xác định đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại Điều 4 Quy chế này; lập báo cáo rà soát, đánh giá, đề xuất danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ (tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được, dự kiến thời gian, dự kiến kinh phí thực hiện, phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) trình Bộ trưởng Bộ GTVT xem xét, phê duyệt.

Điều 8. Nhiệm vụ KH&CN đột xuất do Lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc Lãnh đạo Bộ GTVT giao

Khi phát sinh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất do Lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc Lãnh đạo Bộ GTVT giao, các đơn vị được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (văn bản giao nhiệm vụ, công văn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì, đề cương nghiên cứu, sản phẩm dự kiến và dự toán kinh phí thực hiện) về Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường để trình Bộ trưởng Bộ GTVT quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp.

Mục 2

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 9. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường tham mưu ban hành văn bản thông báo và tổ chức công bố công khai trên chuyên trang KH&CN Cổng thông tin điện tử của Bộ GTVT để các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp.

Điều 10. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức có tư cách pháp nhân, có hoạt động phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ có quyền đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không được xem xét tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ:

a) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, giao nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ khác theo quy định hiện hành;

b) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa thực hiện báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ khác theo quy định;

c) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

d) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đã ký;

đ) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN khác thì không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng tất cả các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn phù hợp với nội dung nhiệm vụ và hoạt động trong lĩnh vực này trong 05 năm gần nhất, tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

c) Có khả năng và bảo đảm thời gian để tổ chức thực hiện nhiệm vụ;

d) Trường hợp khác với các yêu cầu tại các điểm a, b và c khoản này do Bộ trưởng Bộ GTVT quyết định.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không được xem xét tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ:

a) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ khác;

b) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng khoa học và công nghệ, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 03 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.

Tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp theo hướng dẫn và các biểu mẫu ban hành kèm theo Quy chế này, bao gồm:

a) Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức theo quy định của pháp luật (Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức chủ trì hoặc Điều lệ hoạt động của tổ chức chủ trì hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý khác);

b) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ (Biểu B1-1-ĐON);

c) Thuyết minh đề tài (Biểu B1-2a-TMĐTCN hoặc Biểu B1-2b-TMĐTXH); thuyết minh dự án (Biểu B1-2c-TMDA); thuyết minh đề án (Biểu B1-2d-TMĐA);

d) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ (Biểu B1-3-LLTC);

đ) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm có xác nhận của tổ chức quản lý nhân sự (Biểu B1-4-LLCN);

e) Lý lịch khoa học của thành viên chính, thư ký khoa học (Biểu B1-4-LLCN). Tài liệu này phải có xác nhận của tổ chức quản lý nhân sự trong trường hợp hồ sơ được Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN kiến nghị trúng tuyển và nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quy chế này;

f) Lý lịch khoa học chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (trong trường hợp có chuyên gia tham gia thực hiện);

g) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ và văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ (trong trường hợp có tổ chức tham gia phối hợp thực hiện) (Biểu B1-5-PHNC và Biểu B1-6-LLTCPHNC);

h) Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành trong 02 năm gần nhất của tổ chức tham gia góp vốn (trong trường hợp có vốn đối ứng từ các tổ chức, doanh nghiệp);

i) Đối với các nhiệm vụ có yêu cầu về vốn đối ứng cần phải có phương án huy động vốn đối ứng tương ứng với từng trường hợp cụ thể như sau:

- Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: Hồ sơ chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện nhiệm vụ;

- Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ;

- Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng: Cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ.

k) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ còn hiệu lực (thời gian báo giá không quá 90 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ). Tài liệu này chỉ nộp trong trường hợp hồ sơ được Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN kiến nghị trúng tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quy chế này;

l) Tài liệu liên quan khác trong trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ hoặc đơn vị quản lý cần làm rõ thông tin trong quá trình tuyển chọn, giao trực tiếp;

m) Các tài liệu quy định tại Khoản này có thể là bản gốc, bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao y theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Nộp hồ sơ:

a) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được nộp trực tiếp, hoặc gửi qua bưu điện về Bộ GTVT, đồng thời đăng ký trực tuyến trên Hệ thống thông tin khoa học và công nghệ ngành giao thông vận tải. Thời hạn và địa chỉ nộp hồ sơ theo thông báo của Bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ GTVT (trường hợp tuyển chọn) và bằng văn bản (trường hợp giao trực tiếp);

b) Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới, bổ sung hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản và hoàn tất trong thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

Điều 12. Tổng hợp hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm rà soát, kiểm kê các tài liệu nhận được của từng hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp; tổng hợp kết quả để gửi Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.

Điều 13. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường tham mưu trình Bộ trưởng Bộ GTVT Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi tắt là Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp).

2. Thành phần Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp: Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp có từ 07 đến 09 thành viên, bao gồm chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng (nếu có), 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác. Thành viên Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp là các chuyên gia hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, có chuyên môn phù hợp.

Giúp việc cho Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp có thư ký hành chính để tổng hợp, chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp. Ủy viên thư ký khoa học có thể kiêm thư ký hành chính.

3. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp:

- a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
- b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN;
- c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thư ký khoa học, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp:

a) Phiên họp của Hội đồng xác định được tổ chức bằng phương thức trực tiếp hoặc trực tuyến;

b) Phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, trong đó có chủ tịch hội đồng hoặc phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền và 02 ủy viên phản biện;

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp. Trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt, chủ tịch hội đồng ủy quyền cho phó chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp. Giấy ủy quyền theo Mẫu 07. GUQ ban hành kèm theo Quy chế này;

d) Ủy viên thư ký khoa học ghi chép các ý kiến thảo luận, xây dựng và hoàn thiện biên bản làm việc theo ý kiến kết luận tại các phiên họp của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp.

5. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp theo quy định tại Điều 35 Nghị định 08/2014/NĐ-CP và các nội dung sau đây:

Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp. Các thành viên hội đồng, khách mời có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định;

6. Nội dung làm việc của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp

a) Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá; sự phù hợp về nội dung thực hiện, phương pháp thực hiện, thời gian và số nhân lực theo các chức danh, số ngày công lao động; đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ; tính khả thi để đạt được các sản phẩm theo đặt hàng giao nhiệm vụ; những nội dung trong thuyết minh cần loại bỏ, sửa đổi hoặc bổ sung;

b) Thành viên hội đồng đánh giá và chấm điểm cho từng hồ sơ. Trường hợp phương thức họp trực tuyến, các thành viên biểu quyết và gửi phiếu cho ủy viên thư ký khoa học trong vòng 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp;

c) Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp cử Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên hội đồng, trong đó có Trưởng ban kiểm phiếu và 02 Ủy viên, giúp Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu và xếp hạng các hồ sơ được đánh giá có tổng số điểm trung bình từ cao xuống thấp;

d) Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển thực hiện nhiệm vụ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Có hồ sơ được đánh giá đạt tổng số điểm trung bình cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/4 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm);

- Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên theo thứ tự như sau:

- + Ưu tiên hồ sơ có số kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước ít hơn;
- + Ưu tiên chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tổ chức chủ trì đã có nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp Bộ được đánh giá xếp loại xuất sắc trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm đăng ký thực hiện nhiệm vụ;
- + Đối với các hồ sơ có điểm ưu tiên trên như nhau thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về nội dung và phương án triển khai của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ cao hơn.

đ) Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp kết luận chung về hồ sơ của tổ chức được kiến nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp với các thông tin cơ bản:

- Tên tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp.
- Những điểm cần sửa đổi, bổ sung trong thuyết minh nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu đặt hàng;

- Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện nhiệm vụ;

- Phương thức khoán chi (khoán đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần).

e) Mẫu phiếu đánh giá, báo cáo kết quả kiểm phiếu và biên bản làm việc của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tại phụ lục kèm theo.

7. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

Hồ sơ tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

a) Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu (tối đa 12 điểm);

- Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (tối đa 24 điểm);

- Sản phẩm khoa học và công nghệ (tối đa 16 điểm);

- Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống (tối đa 16 điểm);

- Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (tối đa 16 điểm);

- Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 16 điểm).

b) Đề tài nghiên cứu khoa học kinh tế chính sách và đề án khoa học:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu (tối đa 12 điểm);

- Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (tối đa 12 điểm);

- Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (tối đa 12 điểm);

- Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (tối đa 20 điểm);

- Sản phẩm khoa học, lợi ích kết quả của đề tài, đề án và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (tối đa 24 điểm);

- Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 20 điểm).

c) Đề tài nghiên cứu trong các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ khác, tùy thuộc vào nội dung nghiên cứu áp dụng nhóm tiêu chí và thang điểm quy định tại khoản 7 Điều này.

d) Dự án:

- Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8);

- Nội dung và phương án triển khai (tối đa 20 điểm);

- Tính mới và tính khả thi của công nghệ (tối đa 12 điểm);

- Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án (tối đa 12 điểm);

- Sản phẩm khoa học và công nghệ (tối đa 16 điểm);
- Phương án tài chính (tối đa 16 điểm);
- Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 16 điểm).

Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ GTVT có thể điều chỉnh tiêu chí, thang điểm đánh giá tùy theo đặc thù của các loại hình nhiệm vụ.

Điều 14. Thông báo tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường tổng hợp, phát hành văn bản thông báo cho các tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thông báo, tổ chức và cá nhân được đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp có trách nhiệm hoàn thiện và gửi lại thuyết minh nhiệm vụ KH&CN theo kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và Bản giải trình về những nội dung đã chỉnh sửa có ý kiến của chủ tịch hội đồng, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên phản biện theo Mẫu 05. BCHT kèm theo Quy chế này, gửi về Bộ GTVT để thẩm định kinh phí.

Điều 15. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN

1. Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường tham mưu trình Bộ thành lập Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) gồm 03 - 05 thành viên:

- a) Tổ trưởng Tổ thẩm định là đại diện của Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường;
- b) Tổ phó Tổ thẩm định là đại diện của Vụ Tài chính;
- c) Ít nhất 01 đại diện của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp.

Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường cử công chức làm thư ký hành chính, có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, giúp việc cho Tổ thẩm định. Ngoài ra, theo yêu cầu thực tiễn, Tổ trưởng Tổ thẩm định có thể mời thêm đại diện các tổ chức, cá nhân khác có liên quan (chuyên gia) tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp của Tổ thẩm định.

2. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định:

- a) Rà soát lại nội dung chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và nội dung chỉnh sửa khác (nếu có).
- b) Đánh giá sự phù hợp của dự toán kinh phí so với:
 - Các nội dung nghiên cứu theo kết luận của Hội đồng tư vấn và các nội dung chỉnh sửa khác (nếu có);

- Thời gian cần thiết để thực hiện;
- Các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi hiện hành;
- Thuyết minh chi tiết về các nội dung công việc chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi.

c) Đánh giá khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước và phương án huy động của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ (nếu có); các hồ sơ tài liệu phải bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết).

d) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

3. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định:

- a) Phải có mặt đủ các thành viên;
- b) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp.
- c) Có kết luận tập thể về nội dung thẩm định. Các ý kiến của thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định được bảo lưu và ghi rõ trong Biên bản.

4. Trách nhiệm của Tổ thẩm định

a) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định. Các thành viên Tổ thẩm định, chuyên gia (nếu có) có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định;

b) Tổ thẩm định báo cáo bằng văn bản với Bộ trưởng Bộ GTVT và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định hồ sơ nhiệm vụ để xem xét, quyết định;

c) Mẫu biên bản họp thẩm định nội dung, kinh phí nhiệm vụ KH&CN theo mẫu Biểu B3-1b-BBTĐDA tại phụ lục kèm theo Quy chế này.

Điều 16. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN và ký hợp đồng KH&CN

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản của Tổ thẩm định, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến nêu tại biên bản, giải trình chi tiết kết luận của Tổ thẩm định (Biểu B3-3-GTTĐKP) và gửi về Bộ GTVT sau khi có xác nhận đã tiếp thu ý kiến Tổ trưởng Tổ thẩm định và đại diện Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tham gia Tổ thẩm định.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn thiện theo ý kiến Tổ thẩm định, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường rà soát trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, lập báo cáo kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực

hiện nhiệm vụ KH&CN, tham mưu trình Bộ ban hành Quyết định phê duyệt: tên nhiệm vụ KH&CN; tổ chức chủ trì; cá nhân chủ nhiệm; thời gian thực hiện; kinh phí và phương thức khoán chi nhiệm vụ KH&CN.

3. Hồ sơ làm căn cứ trình Bộ phê duyệt gồm:

a) Báo cáo kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường;

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 11 Quy chế này;

c) Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN đã được chỉnh sửa theo kết luận của Tổ thẩm định; Quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp; Quyết định thành lập Tổ thẩm định;

d) Biên bản họp Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, biên bản họp Tổ thẩm định, kết luận của Lãnh đạo Bộ (nếu có);

đ) Dự thảo quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ;

e) Văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp của cơ quan chủ trì; văn bản giải trình tiếp thu ý kiến của tổ thẩm định kinh phí của cơ quan chủ trì.

4. Công khai kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công khai thông tin về kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN (trừ các nhiệm vụ có nội dung cần bảo mật, do cơ quan có thẩm quyền quy định) theo quy định cụ thể như sau:

a) Nội dung công khai: Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN đặt hàng; Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và phương thức, thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

b) Phương thức công khai: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi ký quyết định phê duyệt, có thông báo công khai kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp và đăng tải tối thiểu 60 ngày trên cổng thông tin điện tử của Bộ GTVT.

5. Việc ký hợp đồng khoa học và công nghệ thực hiện theo mẫu hợp đồng ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Hủy quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Trong thời gian kể từ ngày quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có hiệu lực đến thời

điểm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, Bộ GTVT có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN nếu phát hiện một trong các trường hợp sau:

- a) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
- b) Vi phạm các yêu cầu, điều kiện quy định tại Điều 10 Quy chế này;
- c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước.

Mục 3

BÁO CÁO, KIỂM TRA, ĐIỀU CHỈNH, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 17. Chế độ báo cáo

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành:

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện báo cáo thông tin theo quy định tại Điều 6 Thông tư 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/06/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/06/2023 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu và cập nhật vào Hệ thống thông tin KH&CN ngành GTVT.

2. Đối với nhiệm vụ đã được nghiệm thu cấp Bộ:

Tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN và gửi về Bộ GTVT.

Điều 18. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thời gian, hình thức kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra định kỳ 01 năm 01 lần; thời gian kiểm tra ít nhất sau 06 tháng kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực; thời gian cụ thể do Vụ trưởng Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường quyết định căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Thành phần đoàn kiểm tra đánh giá: Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, đại diện Vụ Tài chính và các đơn vị liên quan (nếu cần thiết);

3. Kiểm tra đột xuất:

a) Bộ trưởng Bộ GTVT quyết định thành lập đoàn kiểm tra đột xuất trong những trường hợp sau: khi có phản ánh hoặc bằng chứng cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có dấu hiệu vi phạm hợp đồng đã ký kết hoặc không thực hiện đúng thuyết minh đề cương đã được phê duyệt;

b) Thành phần đoàn kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Điều kiện, nguyên tắc kiểm tra, đánh giá:

a) Việc chuẩn bị nội dung kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN;

b) Điều kiện kiểm tra, đánh giá: thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN;

c) Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.

5. Nội dung kiểm tra, đánh giá và xử lý sau khi kết thúc kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN;

b) Xử lý sau khi kết thúc kiểm tra, đánh giá: căn cứ biên bản kiểm tra, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường tham mưu điều chỉnh hoặc đề nghị chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 19 Quy chế này nếu có.

6. Kinh phí kiểm tra, đánh giá định kỳ và đột xuất được bố trí từ nguồn sự nghiệp KH&CN.

Điều 19. Điều chỉnh, chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN gửi trực tiếp, hoặc qua đường bưu điện, hoặc trực tuyến văn bản đề nghị điều chỉnh về Bộ GTVT qua Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường.

2. Việc điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đối với nội dung thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ kiến nghị Bộ GTVT bằng văn bản và gửi kèm theo các tài liệu liên quan về việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản và các tài liệu có liên quan về việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ, Bộ GTVT có ý kiến trả lời bằng văn bản, làm cơ sở để tổ chức chủ trì nhiệm vụ ra quyết định thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ. Các hồ sơ, trình tự, thủ tục khác được thực hiện theo quy định nội bộ của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Chương IV Thông tư số 04/2015/TT-BKH&CN ngày 11/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 20. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ. Nội dung tự đánh giá gồm:

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng v.v.) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được vận dụng các quy định đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ tại Điều 21 Quy chế này.

3. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp và báo cáo vận dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 21. Đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ nhiệm vụ KH&CN

1. Hồ sơ nghiệm thu cấp Bộ gồm:

- a) Công văn đề nghị nghiệm thu của đơn vị;
- b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- c) Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ;
- d) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có);
- e) Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...) (nếu có);
- f) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ;
- g) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện;
- h) Phương án phát triển, thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Mẫu số 02/PA Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP;
- i) Các tài liệu khác (nếu có).

Mẫu hồ sơ vận dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu

a) Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu trước thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm nộp hồ sơ nghiệm thu cấp Bộ được phê duyệt (bao gồm cả thời gian gia hạn) tùy thuộc vào điều kiện nào đến trước;

b) Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến về Bộ GTVT (qua Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường);

c) Hồ sơ nộp theo hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện gồm 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 01 bản điện tử (định dạng PDF, không cài bảo mật);

d) Hồ sơ nộp theo hình thức trực tuyến gồm 01 bản điện tử định dạng pdf của bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này (có dấu, chữ ký trực tiếp hoặc chữ ký số);

đ) Vụ KH&CN&MT có trách nhiệm rà soát hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường có văn bản thông báo cho tổ chức chủ trì, đề nghị đơn vị chủ trì bổ sung hồ sơ theo quy định.

3. Thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN:

a) Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường tham mưu trình Bộ trưởng Bộ GTVT quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ (sau đây gọi là Hội đồng nghiệm thu) trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;

b) Thành phần Hội đồng nghiệm thu:

Hội đồng nghiệm thu có từ 07 đến 09 thành viên, gồm chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng (nếu có), 02 thành viên là ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác.

Thành viên hội đồng nghiệm thu gồm: các nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ KH&CN.

c) Giúp việc cho Hội đồng nghiệm thu có thư ký hành chính để tổng hợp, chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng nghiệm thu.

d) Những trường hợp không được tham gia Hội đồng nghiệm thu:

- Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ;
- Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;
- Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

- Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng nghiệm thu:

a) Phiên họp của Hội đồng nghiệm thu được tổ chức bằng phương thức trực tiếp hoặc trực tuyến;

b) Hội đồng nghiệm thu làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên hội đồng thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn. Ý kiến của các thành viên hội đồng và kiến nghị của Hội đồng nghiệm thu phải được lập thành văn bản. Các thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình;

c) Phiên họp của Hội đồng nghiệm thu chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên hội đồng tham dự, trong đó có chủ tịch hội đồng hoặc phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền và phải đầy đủ thành viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học;

d) Hội đồng nghiệm thu đánh giá, cho điểm, xếp loại hoặc biểu quyết theo các tiêu chí tại Khoản 9 và Khoản 10 Điều này.

5. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng nghiệm thu

Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng nghiệm thu theo quy định tại Điều 35 Nghị định 08/2014/NĐ-CP và các nội dung sau đây:

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và gửi phiếu nhận xét về đơn vị quản lý nhiệm vụ ít nhất 01 ngày làm việc trước khi tổ chức họp hội đồng;

b) Yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc đánh giá, nghiệm thu;

c) Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khách quan, chính xác và chịu trách nhiệm về ý kiến đánh giá;

d) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi có quyết định công nhận kết quả; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của Bộ chủ trì nhiệm vụ;

Chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền ngoài trách nhiệm của thành viên hội đồng nêu trên, còn có trách nhiệm sau:

- Báo cáo các vấn đề phát sinh liên quan đến kết quả đánh giá của Hội đồng nghiệm thu theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng nghiệm thu.

Thành viên hội đồng được bầu làm thành viên ban kiểm phiếu ngoài trách nhiệm của thành viên hội đồng, còn có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả bỏ phiếu của các thành viên hội đồng.

6. Trên cơ sở hồ sơ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu, chủ tịch hội đồng quyết định tiến hành phiên họp. Trong trường hợp cần thiết, chủ tịch hội đồng đề nghị Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường tổ chức để Hội đồng nghiệm thu hoặc một số thành viên hội đồng đi kiểm tra, đánh giá kết quả thực tế.

7. Ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng nghiệm thu, Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm gửi các thành viên hội đồng toàn bộ hồ sơ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

8. Trách nhiệm của Hội đồng nghiệm thu

a) Hội đồng nghiệm thu cử hoặc bầu một thành viên làm ủy viên thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá, nghiệm thu theo ý kiến kết luận tại phiên họp của Hội đồng nghiệm thu;

b) Thành viên hội đồng nhận xét, đánh giá xếp loại nhiệm vụ KH&CN (trường hợp phương thức họp trực tuyến, thành viên hội đồng tiến hành biểu quyết và gửi phiếu đánh giá về Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường để tổng hợp, lưu hồ sơ);

Trường hợp Hội đồng nghiệm thu đánh giá xếp loại “không đạt”, Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm xem xét, xác định những công việc đã thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt và các hợp đồng thực hiện công việc có liên quan, làm rõ nguyên nhân “không đạt” (chủ quan, khách quan) để Bộ GTVT xem xét xử lý theo quy định hiện hành;

c) Đánh giá, kết luận về khả năng tiếp tục phát huy, hoàn thiện kết quả, thương mại hóa công nghệ, sản phẩm nhiệm vụ KH&CN;

d) Ý kiến kết luận của Hội đồng nghiệm thu được Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường gửi cho tổ chức chủ trì trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

đ) Các mẫu phiếu nhận xét, đánh giá, báo cáo kết quả kiểm phiếu, biên bản làm việc của Hội đồng nghiệm thu vận dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ sử dụng ngân sách nhà nước.

9. Đánh giá của thành viên Hội đồng nghiệm thu

Việc đánh giá của thành viên hội đồng vận dụng theo Khoản 1 Điều 13, Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

10. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng nghiệm thu

Việc đánh giá, xếp loại của Hội đồng nghiệm thu vận dụng theo Khoản 2 Điều 13, Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 22. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ

1. Trong thời hạn không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày họp của Hội đồng nghiệm thu, trên cơ sở Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu, Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường tổng hợp thông báo kết quả đánh giá, xếp loại cho cơ quan chủ trì, thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN được đánh giá xếp loại “xuất sắc” và “đạt”:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá cấp Bộ, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo kết luận của Hội đồng, lấy ý kiến xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ tịch hội đồng và gửi về Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường để thực hiện các thủ tục tiếp theo.

3. Đối với nhiệm vụ KH&CN xếp loại ở mức “không đạt”: cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường và các đơn vị có liên quan xác định nguyên nhân, mức độ vi phạm tiến hành xử lý theo quy định hiện hành; cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

Điều 23. Giao nộp sản phẩm, lưu giữ hồ sơ và thanh lý hợp đồng

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ được nghiệm thu ở mức “xuất sắc” và “đạt”, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện đăng ký lưu giữ kết quả nhiệm vụ tại Cục Thông tin Khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định tại Thông tư 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 11/2023/T-BKHCN ngày 26/6/2023.

2. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ nộp 01 bản sao về Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường.

3. Nộp lưu trữ (bản giấy) tại Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường, đồng thời cập nhật vào Hệ thống thông tin KH&CN ngành GTVT một bộ hồ sơ gồm:

báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; các sản phẩm khoa học của nhiệm vụ đã hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu và được xác nhận hoàn thành; các văn bản, các trường thông tin có liên quan theo Quy chế cập nhật, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin khoa học và công nghệ ngành giao thông vận tải.

4. Căn cứ biên bản nghiệm thu và các văn bản quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường tham mưu ban hành văn bản công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Mẫu 06. CNKQ ban hành kèm theo Quy chế này.

5. Sau khi có văn bản công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, tổ chức chủ trì nhiệm vụ, Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường, Văn phòng Bộ (đối với trường hợp các tổ chức chủ trì không phải là đơn vị dự toán thuộc Bộ) chịu trách nhiệm thực hiện thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT- BKHCN và cập nhật vào Hệ thống thông tin KH&CN ngành GTVT.

Mục 4

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 24. Giao dự toán và quyết toán nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ KHCN&MT tham mưu trình Bộ giao dự toán ngân sách cho các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ và Văn phòng Bộ (đối với các nhiệm vụ KH&CN mà cơ quan được tuyển chọn không phải là đơn vị dự toán thuộc Bộ) để triển khai thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Công tác báo cáo, quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 25. Quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài, dự án KH&CN sử dụng vốn nhà nước

1. Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước được quản lý theo các quy định: Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 18/8/2020 của Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư số 63/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số

điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và các văn bản hiện hành liên quan.

2. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm kê tài sản, lập phương án xử lý tài sản, gửi về Bộ GTVT, chậm nhất 60 ngày kể từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ kết thúc theo Hợp đồng hoặc ngày có quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ KH&CN) hoặc kể từ ngày được Hội đồng nghiệm thu kết quả “xuất sắc” hoặc “đạt” (đối với tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

3. Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét, tham mưu trình Bộ trưởng Bộ GTVT quyết định phương án xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ

1. Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xác định Danh mục các nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN;

c) Phối hợp với Vụ Tài chính xem xét, trình Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt kinh phí của nhiệm vụ KH&CN;

d) Chủ trì kiểm tra; phối hợp thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Quy chế này;

đ) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

e) Tổ chức đăng tải, phổ biến kết quả nghiên cứu và việc ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN;

f) Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức hội nghị, hội thảo đánh giá công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và công bố các kết quả nghiên cứu nổi bật của các hoạt động KH&CN ngành GTVT định kỳ 05 năm một lần;

g) Tổng hợp tình hình ứng dụng, kết quả của nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

2. Vụ Tài chính

a) Chủ trì hướng dẫn nghiệp vụ tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN;

b) Chủ trì hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước theo quy định hiện hành;

c) Chủ trì tham mưu quyết định giao dự toán cho Văn phòng Bộ và các đơn vị dự toán cấp 1 được giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

d) Chủ trì việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ GTVT theo quy định;

d) Phối hợp giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quy chế này và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Văn Phòng Bộ

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN không phải đơn vị dự toán thuộc Bộ;

b) Chủ trì công tác thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN giao dự toán qua Văn phòng Bộ theo quy định.

4. Các Cục, Viện, Học viện, Trường, Trung tâm, Ban Quản lý dự án, các Tổng công ty thuộc Bộ:

a) Đề xuất nhiệm vụ KH&CN nhiệm vụ KH&CN theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực chuyên môn; có ý kiến về danh mục đặt hàng nhiệm vụ KH&CN do Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường tổng hợp, gửi lấy ý kiến (nếu có);

b) Phối hợp với Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN khi có yêu cầu;

c) Phối hợp kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

d) Chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp về thực hiện các hoạt động KH&CN theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác được giao tại Quy chế này, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ GTVT và pháp luật về kết quả thực hiện.

Điều 27. Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN được giao; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ GTVT về sản phẩm đặt hàng của Bộ. Trong trường hợp nhiệm vụ được đánh giá ở mức "không đạt" phải có trách

nhệm xác định, thống nhất mức kinh phí thu hồi của các bên liên quan (chủ nhiệm nhệm vụ, các cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện nhệm vụ) để thực hiện nghĩa vụ nộp hoàn trả ngân sách nhà nước.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán của các hoạt động KH&CN nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Bộ.

3. Trực tiếp thực hiện việc triển khai các hoạt động KH&CN để đạt được mục tiêu, sản phẩm đặt hàng, bảo đảm đúng thời gian quy định.

4. Tổ chức kiểm tra, tự đánh giá nghiệm thu và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ GTVT và pháp luật về kết quả thực hiện nhệm vụ KH&CN.

5. Được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình quản lý theo quy định của pháp luật và được sử dụng kinh phí quản lý nhệm vụ KH&CN theo quy định.

6. Định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo kết quả thực hiện nhệm vụ KH&CN theo quy định.

7. Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu cho công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm toán khi có yêu cầu.

8. Báo cáo kết quả nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng kết quả thực hiện nhệm vụ KH&CN.

9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ GTVT về tính hợp lý, hợp pháp về kết quả và sử dụng kinh phí các hoạt động KH&CN được giao.

Điều 28. Quyền hạn và trách nhiệm cá nhân chủ nhiệm nhệm vụ KH&CN

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh nhệm vụ KH&CN; thực hiện các nội dung của nhệm vụ KH&CN theo Thuyết minh đã được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết, sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

2. Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn về nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm tạo ra và tình hình sử dụng kinh phí của nhệm vụ KH&CN.

3. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (02lần/năm), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện nhệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký.

4. Được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình tạo ra và chế độ phụ cấp theo quy định của pháp luật.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ GTVT về tính hợp lý, hợp pháp về kết quả và sử dụng kinh phí các hoạt động KH&CN được giao, thực

hiện nghĩa vụ nộp hoàn trả ngân sách nhà nước trong trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành theo quy định.

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực tiếp tục áp dụng theo các quy định tại Quyết định số 2128/QĐ-BGTVT ngày 03/10/2018 Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý nhiệm vụ Khoa học công nghệ cấp Bộ của Bộ GTVT, ngoại trừ các nhiệm vụ KHCN được xây dựng trong kế hoạch năm 2024 và 2025.

Đối với các nhiệm vụ được xây dựng trong kế hoạch KH&CN năm 2024 và 2025, các nội dung triển khai và kết thúc trước ngày 31/05/2024, thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 2128/QĐ-BGTVT ngày 03/10/2018, các nội dung triển khai sau ngày 31/05/2024, áp dụng theo các quy định tại Quy chế này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Quyết định số 2128/QĐ-BGTVT ngày 03/10/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT hết hiệu lực từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

4. Các cơ quan, đơn vị vận dụng Quy chế này để áp dụng hoặc ban hành quy định thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ GTVT để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU

1. Mã số nhiệm vụ KH&CN: Biểu 01.MSNV
2. Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Biểu 02a. PDX, Biểu 02b. PDX, Biểu 02c. PDX
3. Tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Biểu 02d. PDX
4. Phiếu nhận xét và đánh giá đề xuất nhiệm vụ KH&CN: Mẫu 03a. PNXDH và Mẫu 03b. PNXDH
5. Biên bản kiểm phiếu hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ: Biểu 04a. BBKP
6. Biên bản họp hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ: Biểu 04b. BBHDXĐ
7. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Biểu B1-1-ĐON
8. Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: Biểu B1-2a-TMĐTCN
9. Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học lĩnh vực kinh tế chính sách: Biểu B1-2b-TMĐTXH
10. Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm: Biểu B1-2c-TMDA
11. Thuyết minh đề án khoa học: Biểu B1-2d-TMĐA
12. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Biểu B1-3-LLTC
13. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Biểu B1-4-LLCN
14. Giấy xác nhận phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Biểu B1-5-PHNC
15. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ/sản xuất của tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Biểu B1-6-LLTCTPHNC
16. Phiếu nhận xét hồ sơ đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: Biểu B2-2a-NXDTCN
17. Phiếu nhận xét hồ sơ đề tài nghiên cứu khoa học lĩnh vực kinh tế chính sách hoặc đề án khoa học: Biểu B2-2b-NXDTHH/NXĐA
18. Phiếu nhận xét hồ sơ dự án sản xuất thử nghiệm: Biểu B2-2c-NXDA

19. Phiếu đánh giá hồ sơ đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:
Biểu B2-3a-ĐGĐTCN
20. Phiếu đánh giá hồ sơ đề tài nghiên cứu khoa học lĩnh vực kinh tế chính sách hoặc đề án khoa học: Biểu B2-3b-ĐGĐTXH/ĐGĐA
21. Phiếu đánh giá hồ sơ dự án sản xuất thử nghiệm: Biểu B2-3c-ĐGĐA
22. Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Biểu B2-4-KPĐG
23. Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Biểu B2-5-THKP
24. Biên bản họp Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Biểu B2-6-BBHD
25. Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ: Biểu B2-8-GTHĐ
26. Biên bản họp thẩm định kinh phí đề tài/đề án khoa học: Biểu B3-1a-BBTĐĐT/ĐA
27. Phụ lục thẩm định kinh phí đề tài/đề án khoa học: Biểu B3-2a-PLBBTĐĐT/ĐA
28. Biên bản họp thẩm định kinh phí dự án: Biểu B3-1b-BBTĐDA
29. Phụ lục thẩm định kinh phí dự án: Biểu B3-2b-PLBBTĐDA
30. Báo cáo giải trình ý kiến Tổ thẩm định kinh phí của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Biểu B3-3-GTTĐKP
31. Văn bản ghi nhận kết quả nhiệm vụ: Biểu 06. CNKQ
32. Giấy ủy quyền: Biểu 07. GUQ
33. Văn bản chấp thuận điều chỉnh thuyết minh nhiệm vụ: Biểu 08. VBĐC

MÃ SỐ NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

1. Mã số nhiệm vụ cấp bộ được ghi như sau: DTXXYY, DAXXYY; DASXTNXXYY; DAKHCNXXYY, trong đó:

- a) DT là ký hiệu chung cho đề tài;
- b) DA là ký hiệu chung cho đề án;
- c) DASXTN là ký hiệu chung cho dự án SXTN;
- d) DAKHCN là ký hiệu chung cho dự án KH&CN;

đ) Nhóm XX là nhóm chữ số ghi hai số cuối của năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

e) Nhóm YY là nhóm chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ KH&CN được ghi trong Quyết định đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ.

PHIẾU ĐỀ XUẤT
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ
(Dùng cho đề tài khoa học và công nghệ)

1. Tên Đề xuất
2. Căn cứ đề xuất: *(Giải trình căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này)*
3. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng duy trì và nhân rộng)*
4. Mục tiêu:
5. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:
6. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
7. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:
8. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
9. Danh mục tài liệu tham khảo: (Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)
10. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân.....; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân:; Điện thoại:; Email; Địa chỉ liên hệ:

..., ngày ... tháng... năm 20...
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

PHIẾU ĐỀ XUẤT
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ
(Dùng cho dự án sản xuất thử nghiệm)

1. Tên dự án SXTN:
2. Loại hình nhiệm vụ:
 - Thuộc chương trình: Ghi mã số chương trình (nếu có). ☐
 - Độc lập. ☐
3. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ: *(Giải trình căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này)*
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng duy trì và nhân rộng)*
5. Mục tiêu:
6. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:
7. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
8. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:\
9. Dự kiến hiệu quả mang lại:
10. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
11. Xuất xứ hình thành: *(Cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài khoa học và công nghệ; Kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả chuyển giao công nghệ)*
12. Nhu cầu thị trường: *(Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm)*
13. Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất)*

14. Danh mục tài liệu tham khảo: *(Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)*

15. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân.....; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân:; Điện thoại:; Email; Địa chỉ liên hệ:

..., ngày ... tháng... năm 20.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

**PHIẾU ĐỀ XUẤT
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ**
(Dùng cho đề án khoa học)

1. Tên đề án:
2. Loại hình nhiệm vụ:
 - Thuộc chương trình: Ghi mã số chương trình (nếu có). ☐
 - Độc lập. ☐
3. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ: *(Giải trình căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này)*
4. Tính cấp thiết của Đề án khoa học: *(Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng áp dụng vào thực tế)*
5. Mục tiêu:
6. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:
7. Dự kiến kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
8. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:
9. Dự kiến hiệu quả mang lại:
10. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
11. Danh mục tài liệu tham khảo: (Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)

12. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân.....; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân:; Điện thoại:; Email; Địa chỉ liên hệ:

..., ngày ... tháng... năm 20.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4.*

Tên Cơ quan đề xuất¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

(kèm theo công văn số...ngày...tháng...năm...của...)

TT	Tên đề xuất	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu kết quả	Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú *
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						

Ghi chú:

Ghi chú *: ghi rõ loại hình nhiệm vụ (đề tài/dự án/đề án khoa học); Đối với đề tài: cần ghi chú rõ thuộc đề tài nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ/đề tài nghiên cứu khoa học lĩnh vực kinh tế chính sách.

¹Đối với cá nhân đề xuất không cần mục này

BỘ GTVT
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20....

PHIẾU NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên ủy viên Hội đồng tư vấn:

Tên đề xuất:

Mã đề xuất:

I. NHẬN XÉT ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN (đánh dấu X vào ô lựa chọn)

1.1. Nhận xét về tính cấp thiết, tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi cả nước, có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia:

1.2. Nhận xét về khả năng không trùng lặp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện:

1.3. Nhận xét về khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống:

1.4. Nhận xét về xuất xứ công nghệ (áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm):

1.5. Nhận xét về khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện (áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm):

Kiến nghị của ủy viên Hội đồng tư vấn:

- ☐ Đề nghị không thực hiện
- ☐ Đề nghị thực hiện
- ☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

II. DỰ KIẾN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM ĐẶT HÀNG

2.1 Dự kiến tên đề tài/dự án sản xuất thử nghiệm:

2.2 Định hướng mục tiêu:**2.3 Yêu cầu đối với kết quả:****2.4 Các đề nghị điều chỉnh:****2.5 Phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp):**

Lưu ý:

Đối với đề tài ứng dụng và phát triển công nghệ cần nêu rõ 2 yêu cầu:

- *Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ*
- *Yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm*

Đối với Dự án SXTN:

- *Các yêu cầu đối với chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt của các sản phẩm Quy mô sản xuất thử nghiệm*

....., ngày ... tháng ... năm 20...
(Ủy viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên)

BỘ GTVT
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20....

**PHIẾU NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP BỘ**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

Tên đề án đề xuất:

I. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ CHUNG ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN

- 1.1 Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng của các kết quả tạo ra vào việc xây dựng và hoạch định chính sách

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ hoặc Không đạt yêu cầu ☐

- 1.2 Ảnh hưởng đối với các ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất nhiệm vụ KH&CN

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ hoặc Không đạt yêu cầu ☐

- 1.3 Khả năng không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện.

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ hoặc Không đạt yêu cầu ☐

- 1.4 Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng của các kết quả tạo ra vào việc xây dựng và hoạch định chính sách.

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ hoặc Không đạt yêu cầu ☐

II. KIẾN NGHỊ CỦA ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG TƯ VẤN (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

- ☐ Đề nghị không thực hiện
- ☐ Đề nghị thực hiện
- ☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

2.1 Tên đề án:

2.2 Mục tiêu:

2.3 Yêu cầu đối với kết quả:

2.4 Phương thức thực hiện

2.5 Các đề nghị điều chỉnh

Lưu ý:

-

....., ngày ... tháng ... năm 20...
(Chuyên gia ký, ghi rõ họ tên)

BỘ GTVT
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20....

KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Số ủy viên hội đồng tham gia bỏ phiếu:

Số TT	Tên đề xuất nhiệm vụ KH&CN	Tổng hợp đánh giá của các ủy viên Hội đồng		
		Số phiếu đề nghị thực hiện	Số phiếu đề nghị không thực hiện	Kết luận chung
1				
2				
....			

Chủ tịch Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký khoa học
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ GTVT
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20....

BIÊN BẢN

HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ NĂM 20...

Loại nhiệm vụ KH&CN: (Đề tài, dự án, đề án, dự án KH&CN):
.....

A. Những thông tin chung

1. Quyết định thành lập Hội đồng
.../QĐ-BGTVT ngày .../ .../20... của Bộ trưởng Bộ GTVT
2. Số lượng các đề xuất nhiệm vụ KH&CN tư vấn:
3. Phương thức và thời gian họp Hội đồng:, ngày... / .../20...
- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: .../...
- Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên:
- Khách mời tham dự họp Hội đồng

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1.		
2.		
3.		
....

B. Nội dung làm việc của Hội đồng (*)

1. Công bố quyết định thành lập Hội đồng.
2. Các thành viên phản biện trình bày ý kiến đánh giá đề xuất nhiệm vụ KH&CN do Bộ GTVT cung cấp.
3. Hội đồng phân tích thảo luận và cho ý kiến đối với (từng) đề xuất nhiệm vụ KH&CN.
3. Thành viên hội đồng bỏ phiếu nhận xét và đánh giá đề xuất nhiệm vụ KH&CN về các nội dung trên.
4. Hội đồng thảo luận việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện tên gọi và các mục của đề tài, dự án, đề án khoa học đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại Điều 4 của Quy chế này và thống nhất thông qua từng mục nêu trên đối với các đề xuất “đề nghị thực hiện”.

6. Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với đề tài, dự án, đề án khoa học.

7. Đối với đề xuất nhiệm vụ KH&CN được đề nghị “Không thực hiện”, Hội đồng tư vấn thống nhất ý kiến về lý do không đề nghị thực hiện.

8. Hội đồng tư vấn thảo luận, thống nhất, kết luận đối với các ý kiến khác nhau của ủy viên (nếu có).

9. Hội đồng thông qua Biên bản làm việc.

Thư ký khoa học của Hội đồng

(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng

(Họ, tên và chữ ký)

PHỤ LỤC I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN

Loại nhiệm vụ KH&CN: (Đề tài, dự án, đề án, dự án KH&CN)

I. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN “đề nghị thực hiện”*

TT	Tên đề xuất nhiệm vụ KH&CN	Tên nhiệm vụ (Đề tài, Dự án, Đề án, Dự án KH&CN)	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
1		2	3	4	5	6
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
...					

*) Đề xuất nhiệm vụ KH&CN “đề nghị thực hiện” khi có trên $\frac{3}{4}$ tổng số phiếu của thành viên hội đồng có mặt đánh giá “thực hiện”

II. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN đề nghị “không thực hiện”

TT	Tên đề xuất nhiệm vụ KH&CN	Tóm tắt lý do đề nghị “không thực hiện”	Ghi chú
1	2	3	4
1			
2			
3			
...		

Thư ký khoa học của Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu B1-1-ĐƠN

**TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ**

Kính gửi:

Căn cứ thông báo của Bộ GTVT về việc tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp Bộ năm 20..., chúng tôi:

a)

.....
.....
.....

(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN)

b)

.....
.....
.....

(Họ và tên, học vị, chức vụ cá nhân đăng ký chủ nhiệm)

Đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đề tài hoặc dự án SXTN hoặc đề án...):

.....
.....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

Thuộc Chương trình KH&CN/dự án KH&CN/Độc lập:

.....
.....

Mã số của Chương trình:

Hồ sơ gồm có:

1. Thuyết minh đề tài theo Biểu B1-2a-TMĐTCN hoặc Biểu B1-2b-TMĐTXH; dự án SXTN theo Biểu B1-2c-TMDA; đề án theo Biểu B1-2d-TMĐA

2. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì theo Biểu B1-3-LLTC;

3. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm² và....³thành viên chính thực hiện chính theo Biểu B1-4-LLCN;

4. Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài theo Biểu B1-4-LLCN), trong đó có kê khai mức lương chuyên gia (nếu có thuê chuyên gia);

5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo Biểu B1-5-PHCN (nếu có);

6. Các tài liệu khác.

Chúng tôi xin cam kết:

- Những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là chính xác, đúng sự thật;

- Tổ chức đăng ký chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ không vi phạm một trong những điều kiện quy định tại Điều 10 Quy chế quản lý nhiệm vụ KH&CN của Bộ GTVT và không đồng thời xin tài trợ kinh phí từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ này.

Nếu phát hiện vi phạm những nội dung nêu trên, chúng tôi xin chịu mọi hình thức xử lý theo quy định pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC

ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

²Lý lịch khoa học của Chủ nhiệm nhiệm vụ phải có xác nhận của tổ chức quản lý nhân sự

³Ghi số người đăng ký **tham gia chính** thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

THUYẾT MINH

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP BỘ⁴

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1. Tên đề tài

- Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

2. Thời gian thực hiện:tháng

(Từ tháng /20... đến tháng /20...)

3. Cấp quản lý: Cấp Bộ

4. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng, trong đó:

Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)
- Từ ngân sách nhà nước	
- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	

5. Đề nghị phương thức khoán chi:

<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán: triệu đồng
	- Kinh phí không khoán: triệu đồng

6. Loại nhiệm vụ:

☐ Đề tài thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số chương trình (nếu có):

☐ Dự án KH&CN

☐ Đề án khoa học

☐ Đề tài độc lập

☐ Khác

7. Lĩnh vực:

☐ Đường bộ;

☐ Đường thủy nội địa;

☐ Hàng hải;

☐ Đường sắt; ☐ Hàng không.

⁴Bản Thuyết minh đề tài này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 5 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

8. Chủ nhiệm đề tài

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....
 Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐
 Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:
 Chức danh nghề nghiệp⁵:Chức vụ.....
 Điện thoại:E-mail:.....
 Tên tổ chức đang công tác:.....
 Địa chỉ tổ chức:.....

9. Thư ký khoa học của đề tài

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....
 Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐
 Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:
 Chức danh nghề nghiệp:Chức vụ.....
 Điện thoại:E-mail:.....
 Tên tổ chức đang công tác:.....
 Địa chỉ tổ chức:.....

10. Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài:.....
 Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....
 Điện thoại:
 Website:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:tại kho bạc Nhà nước.....
 Ngân hàng:

11. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)

1. Tên tổ chức 1 :
 Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):
 Điện thoại:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

⁵ Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.

Tên cơ quan chủ quản

2. Tên tổ chức 2 :

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):

Điện thoại:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Tên cơ quan chủ quản

12. Thành viên thực hiện đề tài

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài ⁶	Tổ chức công tác
1		Chủ nhiệm đề tài	
2		Thư ký khoa học	
3		Thành viên chính	
...		Thành viên chính	
		Thành viên	
		Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

13. Mục tiêu của đề tài *(Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*

.....

.....

.....

14. Tình trạng của đề tài

- ☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả
- ☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

15. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài

⁶ Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

15.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Ngoài nước (Phân tích, đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)

Trong nước (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các thành viên tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)

15.2 Luận giải về những nội dung cần nghiên cứu của đề tài

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải về việc cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài, luận giải về những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu. Nêu tổng quan về cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng để thực hiện đề tài.)

16. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu tài liệu đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)

17. Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện

(Liệt kê và mô tả chi tiết:

- Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung nghiên cứu của đề tài. Những công việc của từng nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng, kèm theo nhu cầu về nhân lực, trang thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và dịch vụ cần thiết phục vụ hoạt động nghiên cứu nêu trên;

- Chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có;

- Nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 20)

Nội dung 1 :

Công việc 1.1:

Công việc 1.2:

.....

Nội dung 2:

Công việc 2.1:

Công việc 2.2:

.....

Nội dung 3 :

Công việc 3.1:

Công việc 3.2:

.....

18. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng - nếu có).

.....
.....
.....

19. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

.....
.....

20. Phương án thuê chuyên gia (nếu có)

20.1. Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					
....					

20.2. Thuê chuyên gia nước ngoài

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

21. Tiến độ thực hiện

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức chủ trì*	Dự kiến kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1.1				
	- Công việc 1.2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 2.1				
	- Công việc 2.2				
				

...	Nội dung n				
	- Công việc n.1				
	- Công việc n.2				
				

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

22. Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt

(Liệt kê theo dạng sản phẩm)

Dạng I: Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				

Dạng II: Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình,...*); Đề án, quy hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
...			

Dạng III: Mẫu (*model, maket*); Sản phẩm (*là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường*); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ và các loại khác.

Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (Theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						

...						
-----	--	--	--	--	--	--

Dạng IV: Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
...			

22.1. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học

TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

22.2. Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng I & II) so với các sản phẩm tương tự hiện có (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....

.....

22.3. Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng III) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....

.....

.....

23. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

23.1. Khả năng về thị trường (Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường)

.....

.....

.....

23.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh (Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)

.....

.....

.....

23.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng sản phẩm

.....

.....

.....

23.4. Mô tả phương thức chuyển giao

(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)

.....

.....

.....

24. Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài

.....

.....

.....

25. Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

25.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)

.....

.....

.....

25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

.....

.....

.....

25.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

.....

.....

26. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài (theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)

26.1. Phương án trang bị tài sản (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc (nếu có)

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

26.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài (tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

27	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Chi thù lao thực hiện đề tài + chuyên gia (nếu có)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí <i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách nhà nước: a. Kinh phí khoán chi: b. Kinh phí không khoán chi:						
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

....., ngày..... tháng năm 20....

Chủ nhiệm đề tài
(Chữ ký, họ và tên)

....., ngày..... tháng năm 20....

Tổ chức chủ trì đề tài
(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm 20....

TL. BỘ TRƯỞNG³

(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)

³ Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi ⁷	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
			Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định				
1	2	3	4=(6+8+10)	5=(7+9+11)	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Chi thù lao thực hiện đề tài													
2	Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài													
3	Nguyên, vật liệu, năng lượng													
4	Thiết bị, máy móc													
5	Xây dựng, sửa chữa nhỏ													
6	Chi khác													
	Tổng cộng													

⁷ Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Thù lao tham gia thực hiện đề tài

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI THÙ LAO THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Số tháng quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài				
2	Thành viên chính				
3	Thành viên				
4	Thư ký khoa học				
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
6	Lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu				
Cộng:					

DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN)	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện đề tài	Nguồn vốn ⁸							
							Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	$7=3 \times 5 \times 6$	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xây dựng thuyết minh đề tài	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng												
	Thù lao của chủ nhiệm đề tài⁹: (TLCN = 1,0 x ĐMCN x 20% x T)													
	Thù lao của thư ký khoa học: (TLTK = 0,3 x ĐMCN x 20% x T)													
II	Nội dung nghiên cứu													
1	Nội dung 1:... Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện													
1.1	Công việc 1.1: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động													

⁸ Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm khi đề tài được phê duyệt.

⁹ Thù lao Chủ nhiệm nhiệm vụ và thư ký khoa học được tính theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2023/TT-BKHCN và Quyết định số 1068/QĐ-BGTVT ngày 24/8/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT. Ngoài ra, khi tham gia nghiên cứu Chủ nhiệm đề tài và thư ký khoa học được tính thù lao theo chức danh nghiên cứu khoa học (Thành viên chính hoặc thành viên hoặc kỹ thuật viên) với tổng mức thù lao của Chủ nhiệm đề tài không quá 28 triệu đồng/tháng với Thư ký khoa học không quá 22,4 triệu đồng/tháng.

[illegible]

[illegible]

Khoản 2. Thuê chuyên gia(*dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 20 của thuyết minh*)

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn ¹⁰											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Nội dung 1																
	<i>Vật tư, nguyên vật liệu dùng chung</i>																
	Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/thông số kỹ thuật chính.																
I.1	Công việc 1.1																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
1.2	...																
...	...																

¹⁰ Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt

[illegible]

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn ¹⁰											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định				
II	Nội dung 2																
II.1	Công việc 2.1																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m ³															
...	...																
Cộng																	

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại mục g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

Khoản 4. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài ¹¹											
											
											
II	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến											
											
III	Khấu hao thiết bị ¹²											
VI	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)											
											
IV	Thiết bị công nghệ mua mới											
											
V	Vận chuyển lắp đặt											
VI	Bảo dưỡng, sửa chữa											
Cộng												

¹¹ Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

¹² Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

Khoản 5. Xây dựng, sửa chữa nhỏ*Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung¹³	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
1	Chi phí xây dựng m ² nhà xưởng, PTN									
2	Chi phí sửa chữa m ² nhà xưởng, PTN									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước									
4	Chi phí khác									
	Cộng:									

¹³ Dự toán kèm theo phương án chi tiết báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí

Khoản 6. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

Số T T	Nội dung	Nguồn vốn											
		Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
		Kinh phí	<i>Trong đó, khoán chi theo quy định</i>	Kinh phí	<i>Trong đó, khoán chi theo quy định</i>	Kinh phí	<i>Trong đó, khoán chi theo quy định</i>	Kinh phí	<i>Trong đó, khoán chi theo quy định</i>				
6	Chi khác												
	- Hội thảo												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc												
	Dịch tài liệu (<i>định mức chi theo quy định hiện hành</i>)												
	Khác												
	Cộng:												

Ghi chú:

- Ghi rõ các căn cứ áp dụng

THUYẾT MINH¹
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LĨNH VỰC KINH TẾ CHÍNH SÁCH

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1. Tên đề tài

- **Mã số**(*được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển*):

2. Loại đề tài:

☐ Đề tài thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số chương trình (nếu có):

☐ Đề án khoa học

☐ Đề tài độc lập

☐ Khác

3. Lĩnh vực:

☐ Đường bộ;

☐ Đường thủy nội địa;

☐ Hàng hải;

☐ Đường sắt; ☐ Hàng không.

4. Thời gian thực hiện:.....tháng

(Từ tháng /20... đến tháng /20...)

5. Cấp quản lý: Cấp Bộ

6. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng, trong đó:

Nguồn	Kinh phí(triệu đồng)
- Từ ngân sách nhà nước	
- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	

7. Đề nghị phương thức khoán chi:

<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán:triệu đồng
	- Kinh phí không khoán:triệu đồng

8. Chủ nhiệm đề tài

¹ Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....
 Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐
 Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:
 Chức danh nghề nghiệp¹⁶:Chức vụ.....
 Điện thoại:E-mail:.....
 Tên tổ chức đang công tác:.....
 Địa chỉ tổ chức:.....

9. Thư ký khoa học của đề tài

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....
 Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐
 Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:
 Chức danh nghề nghiệp:Chức vụ.....
 Điện thoại:E-mail:.....
 Tên tổ chức đang công tác:.....
 Địa chỉ tổ chức:.....

10. Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài:.....
 Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....
 Điện thoại:
 Website:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:tại kho bạc Nhà nước.....
 Ngân hàng:

11. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)

1. Tên tổ chức 1 :
 Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....
 Điện thoại:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Tên cơ quan chủ quản:

¹⁶ Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương

2. Tên tổ chức 2 :

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Tên cơ quan chủ quản:

12. Thành viên thực hiện đề tài

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài¹⁷	Tổ chức công tác
1		Chủ nhiệm đề tài	
2		Thư ký khoa học	
3		Thành viên chính	
...		Thành viên chính	
		Thành viên	
		Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

13. Mục tiêu của đề tài(Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)

.....

14. Tình trạng của đề tài

- ☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả
☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

15. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài

15.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình

¹⁷ Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

ngiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)

.....

.....

15.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)

.....

.....

16. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:

(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những tài liệu đã được trích dẫn)

.....

.....

17. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 22)

Nội dung 1 :

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

Nội dung 2:

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

Nội dung 3 :

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

18. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:

(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)

- Suru tâm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)

- Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)
- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)
-

19. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)

Cách tiếp cận:

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....

20. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

21. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

.....

.....

.....

22. Phương án thuê chuyên gia (nếu có)

22.1. Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					

2					
....					

22.2. Thuê chuyên gia nước ngoài

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

23. Tiến độ thực hiện

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức chủ trì*	Dự kiến kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1.1				
	- Công việc 1.2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 2.1				
	- Công việc 2.2				
				
...	Nội dung n				
	- Công việc n.1				
	- Công việc n.2				
				

III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

24. Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt

(Liệt kê theo dạng sản phẩm)

Dạng I: Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tập chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				

Dạng II: Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
...			

25. Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

25.1. Lợi ích của đề tài:

a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)

.....

.....

.....

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)

.....

.....

.....

25.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)

.....

.....

.....

26. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài (theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)

26.1. Phương án trang bị tài sản (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án b, c, d hoặc cả b, c, d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

26.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài (tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

27	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Thù lao thực hiện đề tài	Nguyên, vật liệu,	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa	Chi khác

				năng lượng		chữa nhỏ	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
	Tổng kinh phí						
	<i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách nhà nước: a. Kinh phí khoán chi: b. Kinh phí không khoán chi:						
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

....., ngày..... tháng năm 20....

Chủ nhiệm đề tài
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng năm 20....

Tổ chức chủ trì đề tài
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm 20....

TL. BỘ TRƯỞNG³

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

³ Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt

Phụ lục-TMĐT

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi ¹⁶	Tổng kinh phí	Nguồn vốn ¹⁷											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
			Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định				
1	2	3	4=(6+8+10)	5=(7+9+11)	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Chi thù lao thực hiện đề tài													
2	Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài													
3	Nguyên, vật liệu, năng lượng													
4	Thiết bị, máy móc													
5	Xây dựng, sửa chữa nhỏ													
6	Chi khác													
	Tổng cộng													

¹⁶ Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...¹⁷ Chỉ kê khai chi tiết theo năm thực hiện khi đề tài được phê duyệt

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Thù lao tham gia thực hiện đề tài

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Số tháng quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài				
2	Thành viên chính				
3	Thành viên				
4	Thư ký khoa học				
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
6	Lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu				
Cộng:					

DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện đề tài	Nguồn vốn ¹⁸							
							Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xây dựng thuyết minh đề tài	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng												
	Thù lao của chủ nhiệm đề tài¹⁹: (TLCN = 1,0 x DMCN x 20% x T)													
	Thù lao của thư ký khoa học: (TLTK = 0,3 x DMCN x 20% x T)													
II	Nội dung nghiên cứu													
1	Nội dung 1:... Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện													
1.1	Công việc 1.1: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ													

¹⁸ Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm khi đề tài được phê duyệt.

¹⁹ Thù lao Chủ nhiệm nhiệm vụ và thư ký khoa học được tính theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2023/TT-BKHCN và Quyết định số 1068/QĐ-BGTVT ngày 24/8/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT. Ngoài ra, khi tham gia nghiên cứu Chủ nhiệm đề tài và thư ký khoa học được tính thù lao theo chức danh nghiên cứu khoa học (Thành viên chính hoặc thành viên hoặc kỹ thuật viên) với tổng mức thù lao của Chủ nhiệm đề tài không quá 28 triệu đồng/tháng với Thư ký khoa học không quá 22,4 triệu đồng/tháng.

[illegible]

Khoản 2. Thuê chuyên gia *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 20 của thuyết minh)*

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn ²⁰											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Nội dung 1																
	<i>Vật tư, nguyên vật liệu dùng chung</i>																
	Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/thông số kỹ thuật chính.																
I.1	Công việc 1																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
2	<i>Năng lượng, nhiên liệu</i>																

²⁰ Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm khi đề tài được phê duyệt

[illegible]

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn ²⁰											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định				
...	...																
4	Nước	m ³															
Cộng																	

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.
- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

Khoản 4. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài²¹											
											
											
II	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến											
											
III	Khấu hao thiết bị²²											
VI	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)											
											
IV	Thiết bị công nghệ mua mới											
											
V	Vận chuyển lắp đặt											
VI	Bảo dưỡng, sửa chữa											
Cộng												

²¹ Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

²² Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

Khoản 5. Xây dựng, sửa chữa nhỏ*Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung²³	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
1	Chi phí xây dựng m ² nhà xưởng, PTN									
2	Chi phí sửa chữa m ² nhà xưởng, PTN									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước									
4	Chi phí khác									
	Cộng:									

²³ Dự toán kèm theo phương án chi tiết được báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí

Khoản 6. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

[illegible]

THUYẾT MINH²⁴ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án

- Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

2. Thời gian thực hiện:tháng

(Từ tháng/20... đến tháng/20...)

3. Cấp quản lý: Cấp Bộ

4. ☐ Dự án thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số chương trình (nếu có):

☐ Dự án KH&CN:

☐ Dự án sản xuất thử nghiệm độc lập

☐ Khác

5. Tổng vốn thực hiện dự án: triệu đồng, trong đó:

Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)
- Từ ngân sách nhà nước	
- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	

6. Đề nghị phương thức khoán chi:

<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán:triệu đồng
	- Kinh phí không khoán:triệu đồng

7. Chủ nhiệm dự án

Họ và tên:Số định danh cá nhân:

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:

Chức danh nghề nghiệp²⁵: Chức vụ:

²⁴ Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

²⁵ Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương

Điện thoại:E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

8. Thư ký khoa học của dự án

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:

Chức danh nghề nghiệp:Chức vụ.....

Điện thoại:E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

9. Tổ chức chủ trì dự án

Tên tổ chức chủ trì đề tài:

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại:

Website:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:tại kho bạc Nhà nước.....

Ngân hàng:

10. Tổ chức tham gia chính(nếu có)

10.1. Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:.....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Tên cơ quan chủ quản

10.2. Tên tổ chức khác :

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Tên cơ quan chủ quản

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án:

11. Thành viên thực hiện dự án

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài ²⁶	Tổ chức công tác
1		Chủ nhiệm dự án	
2		Thư ký khoa học	
3		Thành viên chính	
...		Thành viên chính	
		Thành viên	
		Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	

12. Xuất xứ của dự án

[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị (*tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền*);

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (*tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp*);

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan*);

- Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.]

.....

.....

.....

13. Luận giải về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án

13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án (*Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...*).

.....

.....

²⁶ Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án

(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

.....

.....

.....

.....

.....

13.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh

(Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo quốc phòng, an ninh...).

.....

.....

.....

.....

.....

13.4. Năng lực thực hiện dự án

(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất-kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).

.....

.....

.....

13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án

(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh,...).

.....

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

14. Mục tiêu

14.1 Mục tiêu của dự án sản xuất²⁷ hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra (Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);

.....

.....

.....

14.2 Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm (Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)

.....

.....

.....

15. Nội dung

15.1 Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

15.2 Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ

(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm);

.....

.....

.....

.....

²⁷ Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc

15.3 Liệt kê và mô chi tiết những công việc của từng nội dung để giải quyết những vấn đề đặt ra kèm theo nhu cầu về nhân lực, trang thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và dịch vụ cần thiết phục vụ hoạt động nghiên cứu; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 16.1

Nội dung 1 :

Công việc 1.1:

Công việc 1.2:

.....

Nội dung 2:

Công việc 2.1:

Công việc 2.2:

.....

Nội dung 3 :

Công việc 3.1:

Công việc 3.2:

.....

15.4 Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật phục vụ thực hiện dự án (Kê khai số lượng và thời gian đào tạo cho cán bộ, công nhân kỹ thuật dự kiến)

.....

.....

.....

.....

16. Phương án triển khai

16.1. Phương án thuê chuyên gia

a) Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					

....					
------	--	--	--	--	--

b) Thuê chuyên gia nước ngoài

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

16.2. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện dự án(theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)

16.2.1. Phương án trang bị tài sản(xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì dự án (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b, c, d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc (nếu có)

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

16.2.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện dự án(tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....

.....

16.3 Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)

.....

.....

.....

.....

.....

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m²), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

.....

16.4. Phương án tài chính (Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);
- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án;
- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).
- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

(Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)

16.5. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án (Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);
- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);
- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;
- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

17. Tiến độ thực hiện

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức chủ trì*	Dự kiến kinh phí
--	--	------------------	-------------------------------	---------------------------	------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1.1				
	- Công việc 1.2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 2.1				
	- Công việc 2.2				
				
...	Nội dung n				
	- Công việc n.1				
	- Công việc n.2				
				

18. Sản phẩm của dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

.....

.....

.....

.....

.....

19. Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc

19.1. Phương thức triển khai[Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

.....

.....

.....

.....

19.2. Quy mô sản xuất(Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

.....

19.3. Tổng số vốn của dự án sản xuất

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của dự án sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

* **Vốn cố định của dự án sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

* **Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

* **Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó						
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ + thuê chuyên gia	Vốn lưu động			
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Ngân sách nhà nước								
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước								
Cộng									

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm
(Trong thời gian thực hiện Dự án)

	Nội dung	Tổng số chi phí (1.000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
A	Chi phí trực tiếp					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
B	Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

Ghi chú:

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

Bảng 3. Tổng doanh thu
(Cho thời gian thực hiện dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3	4	5	6
Cộng:					

Bảng 4. Tổng doanh thu
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3	4	5	6
Cộng:					

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án
(cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Nội dung	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích :

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;
- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;
- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư}}{\text{Lãi ròng} + \text{Khấu hao}} = \text{..... năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn đầu tư}} \times 100 = \text{..... \%}$$

Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu = $\frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \text{.... \%}$;

20. Hiệu quả kinh tế - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)

.....

.....

.....

.....

.....

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ, tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm 20....

TL. BỘ TRƯỞNG²⁸

(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

²⁸ Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt.

Phụ lục-TMDA

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi ³⁰	Tổng kinh phí	Nguồn vốn ³¹											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
			Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Thiết bị, máy móc mua mới, thuê													
2	Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo, thuê													
3	Chi phí hỗ trợ công nghệ													
a	Chi phí thù lao thực hiện dự án													
b	Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài													
4	Chi phí đào tạo công nghệ													
5	Chi phí lao động													
6	Nguyên vật liệu, năng lượng													
7	Chi khác													
	Tổng cộng													

³⁰ Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...³¹ Chỉ dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi dự án được phê duyệt

Phụ lục 1-TMDA

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn ³²											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Nội dung 1																
	Nguyên, vật liệu chủ yếu																
	Nguyên, vật liệu phụ																
	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																
	Điện :	kW/h															

³² Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm khi dự án được phê duyệt

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn ³²											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định				
	- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW																
	Nước:	m ³															
	Xăng dầu:																
	- Cho thiết bị sản xuất tấn																
	- Cho phương tiện vận tải tấn																
...	...																
Cộng																	

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

Phụ lục 2-TMDA

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

A. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
I	Thiết bị công nghệ				
1	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án				
				
				
2	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến				
				
				
II	Thiết bị thử nghiệm, đo lường				
1	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án				
				
				
2	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến				
				
III	Khấu hao thiết bị				
Cộng:					

Phụ lục 3-TMDA

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ**Khoản 3a. Thù lao theo các chức danh thực hiện nhiệm vụ**

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Số tháng quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm dự án				
2	Thành viên chính				
3	Thành viên				
4	Thư ký khoa học				
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
6	Lao động phổ thông				
Cộng:					

CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN)	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện dự án	Nguồn vốn ³³							
							Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xây dựng thuyết minh dự án	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng												
	Thù lao của chủ nhiệm dự án: (TLCN = 1,0 x ĐMCN x 20% x T)													
	Thù lao của thư ký khoa học: (TLTK = 0,3 x ĐMCN x 20% x T)													
II	Nội dung nghiên cứu													
1	Nội dung 1:... Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện													
1.1	Công việc 1.1: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên													

³³ Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm khi đề tài được phê duyệt.

[illegible]

Khoản 3b. Thuê chuyên gia*(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 16 của thuyết minh)*

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

Phụ lục 4-TMDA

CHI PHÍ ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ*Đơn vị: triệu đồng*

T T	Nội dung đào tạo	Chi phí	Nguồn vốn	
			Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Cán bộ công nghệ			
2	Công nhân vận hành			
3			
	Cộng			

Phụ lục 5-TMDA

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
Cộng A:					

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung ³⁴	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Xây dựng nhà xưởng mới									
2	Chi phí sửa chữa cải tạo									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện									
4	Chi phí lắp đặt hệ thống nước									
5	Chi phí khác									
	Cộng:									

³⁴ Dự toán kèm theo phương án chi tiết báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí

Phụ lục 6-TMDA**CHI PHÍ LAO ĐỘNG**

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Tổng số ngày	Tiền công theo ngày ³⁵	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn							
						Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6 = 4x5xLcs	7	8	9	10	11	12	13	14
1													
2													
3													
4													
Cộng:													

³⁵ Tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo ngày được tính theo mức lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Mức tiền tính theo ngày được tính bằng mức lương tháng/22 ngày)

Phụ lục 7-TMDA

CHI KHÁC³⁶

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Nguồn vốn											
		Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
		Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10				
1	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; Công tác trong nước												
2	Hợp tác quốc tế (định mức chi theo quy định hiện hành)												
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)												
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)												
3	Kinh phí quản lý (bằng 5% tổng kinh phí thực hiện dự án, tối đa không quá 300 triệu đồng)												
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ												

³⁶Định mức chi theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC và Quyết định số 1068/QĐ-BGTVT ngày 24/8/2023 của Bộ GTVT

[illegible]

Phụ lục 8-TMDA

KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

[illegible]

Phụ lục 9-TMDA

VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I.Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng có thể tiêu thụ trong năm:			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	2	3	4	5	6	7

II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..		
1	2	3	4	5	6	7	8

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7

THUYẾT MINH¹ ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP BỘ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

1. Tên đề án

- Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

2. Loại đề án

☐ Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số chương trình (nếu có):

☐ Độc lập

☐ Khác

3. Thời gian thực hiện:tháng

(Từ tháng/20... đến tháng/20...)

4. Cấp quản lý: Cấp Bộ

5. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng, trong đó:

Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)
- Từ ngân sách nhà nước	
- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	

6. Đề nghị phương thức khoán chi:

<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán:triệu đồng
	- Kinh phí không khoán:triệu đồng

7. Chủ nhiệm đề án

Họ và tên:Số định danh cá nhân:

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:

Chức danh nghề nghiệp³⁷: Chức vụ:

¹ Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

³⁷ Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương

Điện thoại:E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

8. Thư ký khoa học của đề án

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:

Chức danh nghề nghiệp:Chức vụ.....

Điện thoại:E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

9. Tổ chức chủ trì đề án

Tên tổ chức chủ trì đề tài:.....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại:

Website:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:tại kho bạc Nhà nước.....

Ngân hàng:

10. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài(nếu có)

1. Tên tổ chức 1 :

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Tên cơ quan chủ quản

2. Tên tổ chức 2 :

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Tên cơ quan chủ quản

11. Thành viên thực hiện đề án

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài ³⁸	Tổ chức công tác
1		Chủ nhiệm đề án	
2		Thư ký khoa học	
3		Thành viên chính	
...		Thành viên chính	
		Thành viên	
		Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

12. Mục tiêu của đề án *(Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*

.....

13. Tình trạng của đề án

- ☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả
☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

14. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề án

14.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề án

(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)

.....

14.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án

(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa

³⁸ Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

lý luận và thực tiễn của đề án, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề án)

.....

15. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:

(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những tài liệu đã được trích dẫn)

.....

16. Nội dung nghiên cứu của đề án:

(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)

Nội dung 1 :

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

Nội dung 2:

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

Nội dung 3 :

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

17. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề án:

(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)

- Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)
- Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)
- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)
-

18. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)

Cách tiếp cận:

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....

19. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

20. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

.....

.....

21. Phương án thuê chuyên gia (nếu có)

21.1. Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					
....					

21.2. Thuê chuyên gia nước ngoài

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

22. Tiến độ thực hiện

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức chủ trì*	Dự kiến kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1.1				
	- Công việc 1.2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 2.1				
	- Công việc 2.2				
				
...	Nội dung n				
	- Công việc n.1				
	- Công việc n.2				
				

* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 7, 8, 9, 10, 11, 21

III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN

23. Sản phẩm KH&CN chính của đề án và yêu cầu chất lượng cần đạt

(Liệt kê theo dạng sản phẩm)

Dạng I: Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
-------	--------------	--------------------------	---	---------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				

Dạng II: Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
...			

24. Lợi ích của đề án và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

24.1. Lợi ích của đề án:

a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)

.....

.....

.....

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)

.....

.....

.....

24.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)

.....

.....

.....

25. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề án(theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)

25.1. Phương án trang bị tài sản (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh

mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b, c, d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

25.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề án (tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....

.....

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

26	Kinh phí thực hiện đề án phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ + chuyên gia (nếu có)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí						
	<i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách nhà nước:						

	a. Kinh phí khoán chi b. Kinh phí không khoán chi						
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

....., ngày..... tháng năm 20....

Chủ nhiệm đề án

(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng năm 20....

Tổ chức chủ trì đề án

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm 20....

TL. BỘ TRƯỞNG³⁹

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

³⁹ Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt.

hi đề án được phê duyệt **Phụ lục**

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi ³⁹	Tổng kinh phí	Nguồn vốn ⁴⁰											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
			Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định				
1	2	3	4=(6+8+10)	5=(7+9+11)	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Chi thù lao thực hiện đề án													
2	Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài													
3	Nguyên, vật liệu, năng lượng													
4	Thiết bị, máy móc													
5	Xây dựng, sửa chữa nhỏ													
6	Chi khác													
	Tổng cộng													

³⁹ Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

⁴⁰ Chỉ dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi đề tài được phê duyệt

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Thù lao theo các chức danh thực hiện đề án

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI THÙ LAO THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Số tháng quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề án				
2	Thành viên chính				
3	Thành viên				
4	Thư ký khoa học				
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
6	Lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu				
Cộng:					

DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN)	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện đề án	Nguồn vốn ⁴¹							
							Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xây dựng thuyết minh đề án	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề án thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng												
	Thù lao của chủ nhiệm đề án: (TLCN = 1,0 x ĐMCN x 20% x T)													
	Thù lao của thư ký khoa học: (TLTK = 0,3 x ĐMCN x 20% x T)													
II	Nội dung nghiên cứu													
1	Nội dung 1:... Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện													
1.1	Công việc 1.1: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04													

⁴¹ Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt.

[illegible]

Khoản 2. Thuê chuyên gia

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn ⁴²											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	Trong đó, khoán chỉ theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chỉ theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chỉ theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chỉ theo quy định				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Nội dung 1																
	Vật tư, nguyên vật liệu dùng chung																
	Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/thông số kỹ thuật chính.																
1.1	Công việc 1.1																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
1.2	...																
...	...																
2	Năng lượng, nhiên liệu																
2.1	Than																
2.2	Điện	kW/h															
2.3	Xăng, dầu																
2.4	Nhiên liệu khác																
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																
3.1	...																

⁴² Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm khi đề tài được phê duyệt

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn ⁴²											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định				
3.2	...																
...	...																
4	Nước	m ³															
1.2	Công việc 1.2																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m ³															
Cộng																	

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.
- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

Khoản 4. Thiết bị, máy móc*Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài⁴³											
											
											
II	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến											
											
III	Khấu hao thiết bị⁴⁴											
VI	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)											
											
IV	Thiết bị công nghệ mua mới											
											
V	Vận chuyển lắp đặt											
VI	Bảo dưỡng, sửa chữa											
Cộng												

⁴³ Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.⁴⁴ Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

Khoản 5. Xây dựng, sửa chữa nhỏ*Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung⁴⁵	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
1	Chi phí xây dựng m ² nhà xưởng, PTN									
2	Chi phí sửa chữa m ² nhà xưởng, PTN									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước									
4	Chi phí khác									
	Cộng:									

⁴⁵ Dự toán kèm theo phương án chi tiết báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí

Khoản 6. Chi khác(*Định mức chi theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC*)

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

[illegible]

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KH&CN⁴⁶
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ**

1. Tên tổ chức: Năm thành lập: Địa chỉ: Website: Điện thoại: E-mail:		
2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp		
3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức		
<i>TT</i>	<i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i>	<i>Tổng số</i>
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp		
<i>TT</i>	<i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i>	<i>Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp</i>
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đã kê khai ở mục 4 trên đây <i>(Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)</i>		

⁴⁶ Trình bày và in trên khổ giấy A4.

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu:

7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:

- Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: triệu đồng (*văn bản chứng minh kèm theo*)

....., ngày tháng năm 20...

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN⁴⁷

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ☐

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ⁴⁸: ☐

1. Họ và tên:			
2. Ngày/tháng/năm sinh:		Nam/Nữ:	
3. Số định danh cá nhân:			
4. Học hàm:		Năm được phong học hàm:	
Học vị:		Năm đạt học vị:	
5. Chức danh nghề nghiệp⁴⁹:			
Chức vụ:			
6. Điện thoại:E-mail:			
7. Địa chỉ:			
8. Nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm/thành viên chính:			
Tên tổ chức:			
Tên người Lãnh đạo:			
Điện thoại :			
Địa chỉ:			
9. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Sau tiến sỹ			

⁴⁷ Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện chính nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

⁴⁸ Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 12 bản thuyết minh đề tài KH&CN hoặc mục 11 bản thuyết minh đề tài KHXH/đề án hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng.

⁴⁹ Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.

10. Quá trình công tác				
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức	
11. Các công trình công bố chủ yếu (liệt kê các công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 5 năm gần nhất)				
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí, nhà xuất bản)	Năm công bố
12. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (liệt kê các văn bằng bảo hộ: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)				
TT	Tên, số, nội dung văn bằng bảo hộ			Năm cấp văn bằng
13. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký – nếu có)				
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian	
14. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia				

<i>(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)</i>			
Tên nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Tên nhiệm vụ KH&CN đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

15. Giải thưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ <i>(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)</i>		
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

16. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác <i>(liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)</i>

....., ngày tháng năm 20...

TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ
NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC
THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) NHIỆM
VỤ KH&CN⁵⁰

(Xác nhận và đóng dấu)

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)
NHIỆM VỤ KH&CN**

(Họ, tên và chữ ký)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết
để Ông, Bà chủ trì (tham gia) thực hiện
đề tài, đề án, dự án, dự án KH&CN

⁵⁰Nhà khoa học không thuộc tổ chức nào thì không xác nhận.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN⁵¹
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

Kính gửi: Bộ GTVT

1. Tên nhiệm vụ KH&CN đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:

.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình:

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN

.....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

.....

3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

.....

Địa chỉ

Điện thoại

⁵¹ Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

4. Nội dung công việc tham gia trong nhiệm vụ KH&CN (và *kinh phí tương ứng*) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh nhiệm vụ KH&CN của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý Bộ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN.

....., ngàytháng năm 20.....

CÁ NHÂN

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM

(Họ, tên và chữ ký)

THỦ TRƯỞNG

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KH&CN⁵²/SẢN XUẤT
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

1. Tên tổ chức: Năm thành lập: Địa chỉ: Website: Điện thoại: E-mail:		
2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp		
3. Tổng số nhân sự		
- Tổng số cán bộ - Trình độ chuyên môn/Bằng cấp - Khả năng sản xuất - thi công.		
4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp		
<i>TT</i>	<i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i>	<i>Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp</i>
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

⁵² Trình bày và in trên khổ giấy A4.

5. Kinh nghiệm và thành tích trong 05 năm gần nhất liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp

(Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án, công trình đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:

- Nhà xưởng:

- Phương tiện, trang bị máy móc phục vụ nghiên cứu/sản xuất kinh doanh

- Tài sản, vật chất khác:

7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) cho việc tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:

- Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: triệu đồng *(văn bản chứng minh kèm theo)*

....., ngày tháng năm 20...

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KH&CN TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)

**PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:

Nhóm tiêu chí đánh giá	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu					
- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước (mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1 :</i>					
3.2. Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng					
- Các nội dung nghiên cứu và bố trí nhân lực thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i>					
3.3. Sản phẩm khoa học và công nghệ					
- Đầy đủ và đáp ứng yêu cầu đặt hàng (định lượng và định tính)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đào tạo sau đại học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i>					

3.4. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống	
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất nhiệm vụ KH&CN, cơ quan/tổ chức ứng dụng.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i>	
3.5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện	
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và phương án trang bị, quản lý, xử lý tài sản.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Dự toán phù hợp với nội dung công việc, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài và tổng mức kinh phí.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i>	
3.6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia	
- Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (năng lực và cơ sở trang thiết bị).	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i>	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

3.7. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày tháng năm 20....

(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

**PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ
ĐỀ TÀI KHOA HỌC KINH TẾ CHÍNH SÁCH
HOẶC ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP BỘ**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài/đề án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	<i>Nhận xét của chuyên gia</i>				
	4	3	2	1	0
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu					
- Tính đầy đủ và cập nhật tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khoa học và thực tiễn việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i>					
3.2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu					
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính hợp lý, khả thi của các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i>					
3.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu					
- Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp với đối tượng nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i>	
3.4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện - Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và phương án thiết bị - Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài/đề án và tổng mức kinh phí.	<div><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/></div>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i>	
3.5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài/đề án và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu - Sản phẩm của đề tài/đề án đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng - Hiệu quả khoa học, thực tiễn (Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân, bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học) - Phương án ứng dụng và chuyển giao cho cơ quan đề xuất nhiệm vụ KH&CN, cơ quan (tổ chức) ứng dụng	<div><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/></div>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i>	
3.6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia - Tổ chức chủ trì đề tài/đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài/đề án. - Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	<div><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/></div>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i>	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<div><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/></div>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

3.7. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài/đề án.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài/đề án.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày tháng năm 20....
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí nhận xét	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
3.1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án					
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i>					
3.2. Nội dung và phương án triển khai					
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện .	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i>					
3.3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ					
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i>					

3.4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án	
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:	
3.5. Sản phẩm khoa học và công nghệ	
	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:	
3.6. Phương án tài chính	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:	
3.7. Năng lực thực hiện	
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 7:	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

- ☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.
- ☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày tháng năm 20....
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

**BỘ GTVT
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ**

**Biểu B2-3a-ĐGĐTCN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

3. Đánh giá

Nhóm tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu									
- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	2			12
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước (mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	1			
3.2. Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng									
- Các nội dung nghiên cứu và bố trí nhân lực thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	3			24
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	2			
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	1			
3.3. Sản phẩm khoa học và công nghệ									
- Đầy đủ và đáp ứng yêu cầu đặt hàng (định lượng và định tính)	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	3			16
- Khả thi về đào tạo sau đại học	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	1			
3.4. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống									16

- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất nhiệm vụ KH&CN (tên, địa chỉ).	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
3.5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện					
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và trang bị, quản lý, xử lý tài sản.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			16
- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài và tổng mức kinh phí.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
3.6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia					
- Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nhân lực và cơ sở trang thiết bị).	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			16
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>				100

Ghi chú:Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

3.7. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

Ngày tháng năm 20...
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
ĐỀ TÀI KHOA HỌC KINH TẾ CHÍNH SÁCH
HOẶC ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP BỘ**

1. Tên đề tài/đề án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: <i>Tên tổ chức:</i> <i>Họ và tên cá nhân:</i>	

3. Đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu						1			12
- Tính đầy đủ và cập nhật tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
- Tính khoa học và thực tiễn việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
3.2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu						2			12
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
- Tính hợp lý, khả thi của các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			
3.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu						1			12
- Cách tiếp cận đề tài/đề án với đối tượng nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
- Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp với đối tượng nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
3.4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện									

- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước và kế hoạch thực hiện	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			20
- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài/đề án và tổng mức kinh phí.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
3.5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài/đề án và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu					24
- Sản phẩm của đề tài/đề án đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
- Hiệu quả khoa học, thực tiễn (Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân, bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
- Phương án ứng dụng và chuyển giao cho cơ quan đề xuất nhiệm vụ KH&CN, cơ quan tổ chức/ứng dụng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
3.6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia					20
- Tổ chức chủ trì đề tài/đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài/đề án.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
Ý kiến đánh giá tổng hợp					100

Ghi chú:Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

3.7. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài/đề án

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài/đề án.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài/đề án.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày tháng năm 20...
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

BỘ GTVT
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ**

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì	
Tên tổ chức:	
Họ và tên cá nhân:	

3. Đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
3.1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án									
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			8
- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			
3.2. Nội dung và phương án triển khai									
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			20
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện .	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
- Tính khả thi của phương án thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
3.3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ									
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			12
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			

3.4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án				
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1		
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1		
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1		
3.5. Sản phẩm khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	4		
3.6. Phương án tài chính				
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.		2		
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2		
3.7. Năng lực thực hiện	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2		
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính.				
- Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2		
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>			
				100

Ghi chú:Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của dự án

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

Ngày tháng năm 20...

(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

BỘ GTVT
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ VÀ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ**

Tên nhiệm vụ:	
Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

1. Số phiếu phát ra: <input style="width: 40px;" type="text"/>	2. Số phiếu thu về: <input style="width: 40px;" type="text"/>
3. Số phiếu hợp lệ: <input style="width: 40px;" type="text"/>	4. Số phiếu không hợp lệ: <input style="width: 40px;" type="text"/>

TT	Ủy viên	Nhóm tiêu chí đánh giá							Tổng số điểm
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	Tiêu chí 7 ⁵³	
1	Ủy viên thứ nhất								
2	Ủy viên thứ hai								
3	Ủy viên thứ ba								
4								
5									
6									
7									

⁵³ Tiêu chí này dành cho dự án sản xuất thử nghiệm

8									
9									
	Tổng số điểm trung bình								

TT	Ủy viên	Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ	
		Phù hợp	Không phù hợp
1	Chủ tịch		
2	Phó Chủ tịch		
3	Ủy viên phản biện 1		
4	Ủy viên phản biện 2		
5	Ủy viên		
6		
7			
8			
9			
....		

Các thành viên ban kiểm phiếu
Thành viên thứ 1
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ 2
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

**BỘ GTVT
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ VÀ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ**

Tên nhiệm vụ:

.....
.....

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì	Tổng điểm trung bình của các thành viên hội đồng	Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ
1			Số....phù hợp/.....Không phù hợp ⁵⁴ (trong đó có ủy viên phản biện đánh giá phù hợp)
2			
...	

Các thành viên ban kiểm phiếu
Thành viên thứ 1
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ 2
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

⁵⁴ Số ủy viên hội đồng đánh giá phù hợp/Số ủy viên đánh giá không phù hợp.

BỘ GTVT
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG

**ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ VÀ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ**

A. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:

.....
.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng

Số...../QĐ-BGTVT... ngày/...../20... của Bộ trưởng Bộ GTVT

3. Địa điểm và thời gian

....., ngày/...../20...

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên/.....người. Vắng mặt người, gồm các thành viên:

.....
.....

5. Đại biểu tham dự họp hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

6. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà là thư ký khoa học của hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng (ghi chép của thư ký khoa học):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

(chi tiết ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự trong tài liệu kèm theo)

C. Bỏ phiếu đánh giá

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban:
- Hai thành viên:
-

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài/dự án SXTN/đề án nêu trên:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Phương thức khoán chi:

1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

1.2 Khoán chi từng phần ☐

2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:

.....

.....

.....

.....

4. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....

.....

Hội đồng đề nghị Bộ GTVT xem xét và quyết định.

THƯ KÝ KHOA HỌC

(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

[illegible]

(Họ, tên và chữ ký)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Thông tư số
- Căn cứ Quyết định số/QĐ..... ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ
 về việc thành lập Hội đồng

....., ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

I. Bên ủy quyền:

1. Họ và tên:Số điện thoại:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:
4. Đơn vị công tác:
5. Địa chỉ:
6. Số CCCD/Hộ chiếu :.....Nơi cấp :..... Ngày cấp:

II. Bên được ủy quyền:

1. Họ và tên:Số điện thoại:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:
4. Đơn vị công tác:
5. Địa chỉ:
6. Số CMND/Hộ chiếu :.....Nơi cấp :..... Ngày cấp:

III. Nội dung ủy quyền:

Ủy quyền cho Ông/Bà:..... là Phó chủ tịch Hội đồng chủ trì
 phiên họp Hội đồng KH&CN để tư vấn xác định/tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa
 học và công nghệ:

.....

IV. Cam kết: Tôi cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thông tin
 ủy quyền ở trên./.

Bên ủy quyền
 (Chữ ký, họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

Kính gửi: Bộ GTVT

Căn cứ Quyết định số xx/QĐ-BGTVT ngày tháng năm 20... về việc phê duyệt danh mục đặt hàng đề tài khoa học và công nghệ đối với đề tài: “.....”.

Căn cứ Quyết định số xx/QĐ-BGTVT ngày.....tháng.....năm 20... về việc thành lập Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ ngày.....thángnăm 20...;

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng, khách mời tham dự và những nội dung chỉnh sửa bổ sung khác⁵⁵ (nếu có) như sau:

TT	Ý kiến của Hội đồng và Đại biểu	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
...		

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

Ý kiến xác nhận của đại diện Hội đồng
Ủy viên phản biện 1
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Ủy viên phản biện 2
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
 (Ký và ghi rõ họ tên)

⁵⁵ Trong trường hợp chỉnh sửa, bổ sung ngoài ý kiến của hội đồng và đại biểu thì giải trình.

**BỘ GTVT
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do- Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN KH&CN CẤP BỘ**

A. Thông tin chung

1. Tên đề tài/đề án:

.....
.....

Mã số(nếu có)

Thuộc:- Chương trình cấp Bộ:

☐

- Dự án KH&CN:

☐

- Độc lập

☐

- Khác:

☐

2. Tổ chức chủ trì:

3. Chủ nhiệm đề tài/đề án:

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:

- Địa điểm:.....

- Thời gian:.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:/.....

Vắng mặt: người; Họ và tên:

6. Đại biểu tham dự:

.....
.....
.....

B. Kết luận của Tổ thẩm định

1. Về dự toán kinh phí:

.....

2. Về thời gian thực hiện nhiệm vụ:

.....

3. Về tổng kinh phí cần thiết: triệu đồng

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: triệu đồng

- Kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước: triệu đồng

4. Dự kiến kinh phí theo các khoản chi:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Ngân sách nhà nước		Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước	Ghi chú
			Kinh phí	Kinh phí khoán chi theo quy định		
1	Thù lao thực hiện nhiệm vụ					
2	Kinh phí thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài					
3	Nguyên vật liệu, năng lượng					
4	Thiết bị, máy móc					
5	Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
6	Chi khác: <i>Trong đó: chi đoàn ra</i>					
	Tổng cộng					

C. Kiến nghị:

1. Phương thức thực hiện:

☐
☐

Khoán đến sản phẩm cuối cùng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia:).

Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán: triệu đồng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia:);

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán:*triệu đồng*.

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....

Biên bản được lập xong lúc.....giờ, ngàytháng.....năm..... và đã được Tổ
 thẩm định nhất trí thông qua.

Tổ trưởng

Tổ phó

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Các ý kiến của thành viên tổ thẩm định

(Thư ký Tổ thẩm định ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên tổ thẩm định)

[illegible]

THƯ KÝ TỔ THẨM ĐỊNH
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GTVT
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

B3-1b-BBTĐDA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

A. Thông tin chung

1. Tên dự án SXTN:

.....

Mã số(nếu có)

Thuộc:- Chương trình CẤP BỘ: ☐

- Độc lập: ☐

- Dự án KH&CN: ☐

- Khác: ☐

2. Tổ chức chủ trì:

3. Chủ nhiệm dự án SXTN:

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:

- Địa điểm:.....

- Thời gian:.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:/.....

Vắng mặt: người; Họ và tên:

6. Đại biểu tham dự:

.....

.....

.....

B. Kết luận của Tổ thẩm định

1. Năng lực tài chính của tổ chức chủ trì:

1.1. Nợ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ:

Có: ☐

Không: ☐

1.2. Đủ năng lực tài chính để đối ứng thực hiện: ☐

1.3. Không đủ năng lực tài chính để đối ứng thực hiện: ☐

2. Nhận xét về dự toán kinh phí:

2.1. Ý kiến nhận xét của các thành viên Tổ thẩm định (*ghi chi tiết ý kiến từng thành viên*):

.....

2.2. Về tổng kinh phí cần thiết: triệu đồng

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: triệu đồng

- Kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước: triệu đồng

2.3. Về thời gian thực hiện nhiệm vụ

2.4. Dự kiến kinh phí theo các khoản chi:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Ngân sách nhà nước		Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước	Ghi chú
			Kinh phí	Kinh phí khoán chi theo quy định		
1	Thiết bị, máy móc					
2	Nhà xưởng					
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ					
a	Thù lao thực hiện nhiệm vụ					
b	Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài					
4	Chi phí đào tạo công nghệ					
5	Chi phí lao động					
6	Nguyên vật liệu, năng lượng					
7	Chi khác					
	Tổng cộng					

C. Kiến nghị:

1. Phương thức khoán:

☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia:).

☐ Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán: triệu đồng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia:);

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán: triệu đồng.

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....

Biên bản được lập xong lúc.....giờ, ngàytháng.....năm..... và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

Tổ trưởng

Tổ phó

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Các ý kiến của thành viên Tổ thẩm định

(Thư ký Tổ thẩm định ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên Tổ thẩm định)

[illegible]

THƯ KÝ TỔ THÂM ĐỊNH
(ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN THEO Ý KIẾN CỦA TỔ THẨM ĐỊNH

(Kèm theo Biên bản họp Tổ thẩm định)

Đơn vị: triệu đồng

Số T T	Nội dung các khoản chi	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định			Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước		Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
		Kinh phí	Trong đó, khoản chi			
1	Thù lao theo các chức danh thực hiện nhiệm vụ					
2	Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài					
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
5	Chi khác					
	Tổng cộng					

() Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, ...*

CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1a. Thù lao theo các chức danh thực hiện nhiệm vụ

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số công quy đổi	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài						
2	Thành viên chính						
3	Thư ký khoa học						
4	Thành viên						
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ						
6	Lao động phổ thông hỗ trợ thực hiện các nội dung nghiên cứu						
Cộng:							

DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THEO CÁC CHỨC DANH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc ¹	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Nội dung 1				
	1.1. Công việc 1:				
	1.2. Công việc 2:				
				
2	Nội dung 2				
	2.1. Công việc 1:				
	2.2. Công việc 2:				
	2.3. Công việc 3				
				
....				
7	Nội dung n				
	n.1. Công việc 1:				
	n.2. Công việc 2:				
	n.3. Công việc 3				
				
	Cộng:				

1. Theo nội dung của Dự toán đưa ra thẩm định. Các đầu mục công việc được dự toán dưới 1 cấp.

Khoản 1b. Thuê chuyên gia (nếu có)

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

1	Nguyên, vật liệu									
1.1	...									
...	...									
4	Nước	m ³								
II	Nội dung 2									
II.1	Công việc 1									
1	Nguyên, vật liệu									
1.1	...									
...	...									
4	Nước	m ³								
...	...									
Cộng										

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.
- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
I	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài ⁵⁶						
						
						
II	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến						
						
III	Khấu hao thiết bị ⁵⁷						
VI	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)						
						
IV	Thiết bị công nghệ mua mới						
						
V	Vận chuyển lắp đặt						
VI	Bảo dưỡng, sửa chữa						
Cộng							

⁵⁶ Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

⁵⁷ Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ*Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chi phí xây dựng m ² nhà xưởng, PTN				
2	Chi phí sửa chữa m ² nhà xưởng, PTN				
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước				
4	Chi phí khác				
	Cộng:				

Khoản 5. Chi khác*Đơn vị: triệu đồng*

Số T T	Nội dung	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định			Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước		Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
		Kinh phí	Trong đó, khoản chi			
1	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu					
2	Hợp tác quốc tế (định mức chi theo quy định hiện hành)					
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)					
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)					
3	Kinh phí quản lý (bằng 5% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 300 triệu đồng)					
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ					
5	Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu					
5.1	Nội dung 1					
5.2	Nội dung 2					
					
6	Chi khác					
	- Hội thảo					
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc					
	Dịch tài liệu (định mức chi theo quy định hiện hành)					
	Khác					
	Cộng:					

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN THEO Ý KIẾN CỦA TỔ THẨM ĐỊNH
(Kèm theo Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí)

Đơn vị: triệu đồng

T T	Nội dung các khoản chi	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định			Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước		Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
		Kinh phí	<i>Trong đó, khoản chi</i>			
1	Thiết bị, máy móc mua mới, thuê					
2	Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo, thuê					
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ					
<i>a</i>	<i>Chi phí công lao động trực tiếp</i>					
<i>b</i>	<i>Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài</i>					
4	Chi phí đào tạo công nghệ					
5	Chi phí lao động					
6	Nguyên vật liệu, năng lượng					
7	Chi khác					
	Tổng cộng					

(*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, ...

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG
(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định			Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
					Ngân sách nhà nước		Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
					Kinh phí	Trong đó, khoản chi			
1	Nguyên, vật liệu chủ yếu								
2	Nguyên, vật liệu phụ								
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng								
4	Điện :	<i>kW/h</i>							
	- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW								
5	Nước:	<i>m³</i>							
6	Xăng dầu:	<i>lít</i>							

	- Cho thiết bị sản xuất tấn								
	- Cho phương tiện vận tải tấn								
Cộng:									

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

A. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thiết bị công nghệ				
1	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án				
				
				
2	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến				
				
				
II	Thiết bị thử nghiệm, đo lường				
1	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án				
				
				
2	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến				
				
III	Khấu hao thiết bị				
Cộng:					

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị bổ sung mới, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
					Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Mua thiết bị công nghệ							
							
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường							
							
3	Mua bằng sáng chế, bản quyền							
4	Mua phần mềm máy tính							
5	Vận chuyển lắp đặt							
6	Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 6 để tính vốn lưu động)							
7	Bảo dưỡng, sửa chữa							
Cộng:								

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

A. Thù lao theo các chức danh thực hiện nhiệm vụ

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số tháng quy đổi	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm dự án						
2	Thành viên chính						
3	Thư ký khoa học						
4	Thành viên						
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ						
6	Lao động phổ thông hỗ trợ các nội dung nghiên cứu						
Cộng:							

CHI TIẾT THÙ LAO THEO CÁC CHỨC DANH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc ¹	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Nội dung 1				
	1.1. Công việc 1:				
	1.2. Công việc 2:				
	1.3. Công việc 3				
				
2	Nội dung 2				
	2.1. Công việc 1:				
	2.2. Công việc 2:				
	2.3. Công việc 3				
				
.....				
7	Nội dung n				
	n.1. Công việc 1:				
	n.2. Công việc 2:				
	n.3. Công việc 3				
				
	Cộng:				

1. Theo nội dung của Dự toán đưa ra thẩm định. Các đầu mục công việc được dự toán dưới 1 cấp.

B. Thuê chuyên gia(nếu có)

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

CHI PHÍ ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

T T	Nội dung đào tạo	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Cán bộ công nghệ				
2	Công nhân vận hành				
3				
	Cộng				

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
Cộng A:					

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Xây dựng nhà xưởng mới				
2	Chi phí sửa chữa cải tạo				
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện				
4	Chi phí lắp đặt hệ thống nước				
5	Chi phí khác				
	Cộng B:				

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số tháng quy đổi	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài						
2	Thành viên chính						
3	Thư ký khoa học						
4	Thành viên						
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ						
6	Lao động phổ thông hỗ trợ các nội dung nghiên cứu						
Cộng:							

CHI KHÁC

Đơn vị: triệu đồng

Số T T	Nội dung	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định			Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước		Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
		Kinh phí	Trong đó, khoản chi			
1	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu					
2	Hợp tác quốc tế (định mức chi theo quy định hiện hành)					
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)					
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)					
3	Kinh phí quản lý (bằng 5% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 300 triệu đồng)					
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ					
5	Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu					
5.1	Nội dung 1					
5.2	Nội dung 2					
					
6	Chi khác					
	- Hội thảo					
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc					
	Dịch tài liệu (định mức chi theo quy định hiện hành)					
	Khác					
	Cộng:					

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

Kính gửi: Bộ GTVT

Căn cứ Quyết định số xx/QĐ-BGTVT ngày tháng năm 20... về việc phê duyệt danh mục đặt hàng đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ đối với đề tài: “.....”.

Căn cứ Quyết định số xx/QĐ-BGTVT ngày tháng năm 20... về việc thành lập Hội đồng KH&CN cấp Bộ tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ;

Căn cứ Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí ngày tháng năm 20...;

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí và khách mời tham dự như sau:

TT	Ý kiến của Tổ Thẩm định và Đại biểu	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
...		

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

Ý KIẾN XÁC NHẬN CỦA TỔ THẨM ĐỊNH

Đại diện Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tham gia Tổ thẩm định
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng Tổ thẩm định
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 06. CNKQ

BỘ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Hà Nội, ngày tháng năm 20

Kính gửi:

Căn cứ văn bản của cơ quan chủ trì....;

Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng Khoa học công nghệ cấp Bộ để đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN....

Căn cứ các tài liệu liên quan (Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ, Báo cáo và hồ sơ kết quả nghiên cứu...)

Bộ GTVT ghi nhận cơ quan chủ trì đã hoàn thành nội dung nhiệm vụ theo Đề cương được duyệt và đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo đúng Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ.

(Đối với nhiệm vụ được đánh giá “xuất sắc” hoặc “đạt”) Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Đề nghị(cơ quan chủ trì) khẩn trương triển khai các thủ tục liên quan đến công tác quản lý, sử dụng tài sản là kết quả của đề tài và tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN, quyết toán theo đúng các quy định hiện hành.

(Đối với nhiệm vụ “đạt” nhưng nộp hồ sơ chậm từ 30 ngày đến 06 tháng) Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Đề nghị(cơ quan chủ trì) khẩn trương triển khai các thủ tục liên quan đến công tác quản lý, sử dụng tài sản là kết quả của đề tài và tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN, quyết toán theo đúng các quy định hiện hành.

Tổ chức chủ trì không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp Bộ trong thời hạn²⁰ năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Chủ nhiệm nhiệm vụ không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp Bộ trong thời hạn¹⁴ năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

(Đối với nhiệm vụ “không đạt”) Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Chủ nhiệm nhiệm vụ không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp Bộ, cấp Bộ trong thời hạn¹⁵ năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Đề nghị(cơ quan chủ trì) khẩn trương triển khai các thủ tục liên quan đến công tác quản lý, sử dụng tài sản là kết quả của đề tài và tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN, quyết toán theo đúng các quy định hiện hành.

Tổ chức chủ trì không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp Bộ, cấp Bộ trong thời hạn¹⁶ năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KH&CN&MT

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT,

^{20, 14, 15, 16} Thời gian bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ cấp Bộ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày / /2021 của Bộ GTVT quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ GTVT.

Biểu 08. VBĐC

BỘ GTVT**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi:

Căn cứ các Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;

Xét đề nghị của cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN tại.....

Bộ GTVT (GTVT) có ý kiến như sau:

Chấp thuận điều chỉnh thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, cụ thể:

.....

Nội dung điều chỉnh cụ thể như phiếu thay đổi, bổ sung kèm theo văn bản này (nếu có).

Cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm đơn đốc, chỉ đạo Chủ nhiệm nhiệm vụ triển khai thực hiện theo đúng các nội dung đã được Bộ GTVT phê duyệt.

Các văn bản liên quan đến việc điều chỉnh này được bổ sung vào hồ sơ của nhiệm vụ KH&CN làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện và quyết toán./.

Nơi nhận:

-

**PHIẾU THAY ĐỔI, BỔ SUNG THUYẾT MINH
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**
(Kèm theo văn bản số)

**PHIẾU THAY ĐỔI, BỔ SUNG
THUYẾT MINH ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

1. Tên nhiệm vụ:
2. Mã số nhiệm vụ:
3. Họ và tên, học vị, chức danh khoa học của chủ nhiệm nhiệm vụ:
4. Cơ quan chủ trì:
5. Những thay đổi nội dung (Nội dung nghiên cứu, tiến độ, kinh phí...) nghiên cứu:

STT	Nội dung cũ			Nội dung mới		
	Nội dung	Tiến độ	Kinh phí	Nội dung	Tiến độ	Kinh phí
1						
2						
....						